SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 03 năm 2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 03 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Địa chỉ: Tầng 9, Nhà D, Khách sạn thể thao, Làng sinh viên Hacinco, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại : 04.3 785 4291 Fax: 04.3 785 4265

Website: http://www.nisco.vn Email: infor@nisco.vn

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3 824 2897 Fax: 08.3 824 7430

Website: http://www.ssi.com.vn

Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3936 6321 Fax: 04. 39366311

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Đặng Hùng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04. 3 785 4291

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 03 năm 2010)

CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	3.000.000 (ba triệu cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết:	30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng, tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)**

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

  Điện thoại: (84.4) 3 936 6321 Fax: (84.4) 3 936 6318

  Email: ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- **Công ty Kiểm Toán DTL**

  Trụ sở chính: Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

  Điện thoại: (84-8) 3 827 5026 Fax: (84-8) 3 827 5027

  Văn phòng Hà Nội: Phòng 203, Tòa nhà D5, Lô C, đường Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu Giấy, Hà Nội

  Điện thoại: (84.4) 3 285 8899 Fax: (84.4) 3 285 8999

MỤC LỤC

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI 1
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG 2
CỔ PHIẾU NIÊM YẾT 2
TỔ CHỨC TƯ VẤN: 2
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: 2
MỤC LỤC 3
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5
1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 6
3. Rủi ro đặc thù của ngành 6
4. Rủi ro về thị trường 7
5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu 7
6. Các rủi ro khác 7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8
1. Tổ chức niêm yết 8
2. Tổ chức tư vấn 8
III. CÁC KHÁI NIỆM 9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty 12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty 12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông 16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 18
6. Hoạt động kinh doanh 18
7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 29
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 31
9. Chính sách đối với người lao động 34
10. Chính sách cổ tức 36
11. Tình hình tài chính 37

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng 43
13. Tài sản 52
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo 55
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 57
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 58
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết. 58
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT 59
1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông 59
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu 59
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết 59
4. Phương pháp tính giá 59
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy đinh của pháp luật hoặc của Công ty 59
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 61
7. Các loại thuế liên quan 61
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 62
1. Tổ chức kiểm toán: 62
2. Tổ chức tư vấn: 62
VII. PHỤ LỤC 63

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong giai đoạn 2002 - 2007, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình là 7,8%[1], đặc biệt là năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%[2], mức tăng trưởng thực sự ấn tượng và là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Tuy nhiên trong năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp gây ra suy giảm kinh tế và ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội của đất nước; sản xuất kinh doanh ở tất cả các ngành nghề giảm sút do sức cầu của toàn bộ nền kinh tế suy giảm mạnh, thiếu vốn sản xuất; tiêu thụ sản phẩm chậm, ứ đọng. Cuộc khủng hoảng tín dụng toàn cầu này không những khiến một số nền kinh tế lớn phát triển chậm nhất trong vòng 5 năm qua mà còn kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực và sâu rộng đến các nền kinh tế trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Tất cả những yếu tố này sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng bất lợi đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung của và ngành viễn thông nói riêng. Bước vào năm 2009, nền kinh tế vẫn còn những khó khăn, thách thức. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2009, tổng sản phẩm trong nước tăng 3,9%[3] so với 6 tháng đầu năm 2008. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2009 vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6 tháng các năm trước, tuy nhiên, tốc độ tăng trong Quý II năm 2009, tốc độ tăng là 4,5% so với tốc độ tăng trong quý I là 3,1%[4] cho thấy nền kinh tế nước ta đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của sự suy giảm tốc độ tăng trưởng.

Ngoài ra các rủi ro như lạm phát, lãi suất cơ bản trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tỷ lệ lạm phát là thước đo sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Khi lạm phát tăng cao từ 2 con số trở lên, sẽ dẫn tới hiệu quả đầu tư của nên kinh tế bị giảm sút. Tỷ lệ lạm phát cao kéo theo các chi phí đầu vào tăng do đó làm giảm tốc độ tăng trưởng thực của nền kinh tế và giảm lợi nhuận, hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2008, trước những khó khăn bất ổn của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã lên đến mức 22%[5] con số cao nhất trong 12 năm qua. Theo các chuyên gia kinh tế, dự báo CPI cả năm 2009 sẽ đứng ở mức khoảng 7,5% gần tương đương với chỉ số lạm phát cả năm vừa được Quốc hội điều chỉnh. Cùng với lạm phát tăng cao, năm 2008 cũng chứng kiến lãi suất không ngừng tăng cao lên mức đỉnh điểm tới 21%/năm. Đầu năm 2009, Chính phủ đã nới lỏng chính sách tiền tệ để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản bằng đồng Việt

[1] http://vietbao.vn/Xa-hoi/Toc-do-tang-GDP-binh-quan-trong-thoi-ky-2002-2007-la-7,8/45229842/157/
[2] http://www.cand.com.vn/vi-VN/kinhte/2009/1/107075.cand
[3] http://www.agro.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=14412
[4] http://dantri.com.vn/c76/s76-360110/wb-giu-nguyen-du-bao-gdp-cua-viet-nam-o-muc-55.htm
[5] http://vneconomy.vn/20081124093140103P0C6/lam-phat-nam-2008-khoang-22.htm

Nam. Trong những tháng đầu năm 2009, mức lãi suất ổn định, lãi suất trái phiếu Chính phủ 5 năm rơi vào khoảng 8,5%- 9,5%. Đến thời điểm hiện nay, lãi suất huy động trên thị trường tiền tệ đang có xu hướng tăng lên. Là doanh nghiệp đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng viễn thông nên nhu cầu sử dụng vốn vay của Công ty là lớn. Do vậy nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho Công ty trong việc trả lãi và ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp cổ phần hóa nên hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Viễn thông được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2009, tại kỳ họp thứ 6, quốc hội khóa 10 và các chính sách của Nhà nước có liên quan đến ngành như định hướng phát triển ngành, các văn bản quy hoạch hệ thống viễn thông trên toàn quốc v.v... Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã được phát triển kể từ khi chính sách “đổi mới” bắt đầu năm 1986 và vẫn còn đang trong giai đoạn đầu phát triển. Trong những năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không chắc chắn, mâu thuẫn, chồng chéo và những vấn đề pháp luật nảy sinh trong các văn bản luật vẫn ảnh hưởng đến các văn bản hướng dẫn thi hành và từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

Lĩnh vực công nghệ thông tin và các dịch vụ viễn thông phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng của các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kĩ lưỡng không ngừng gia tăng, tuy nhiên, sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt. Bên cạnh đó, việc Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức và các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các công ty trong nước, trong đó có NISCO.

Giá nhân công được đẩy cao do sự khan hiếm về nguồn cung lao động đặc thù của ngành. Bên cạnh đó, lĩnh vực công nghệ thông tin đòi hỏi hàm lượng chất xám cao, do vậy, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của lĩnh vực công nghệ thông tin đang là một yếu tố thách thức doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty đang phải đi thuê mặt bằng để đặt các trạm BTS hoặc Inbuilding. Thông thường, các hợp đồng thuê mặt bằng thường được ký bằng với thời gian thuê mà Công ty ký với các khách hàng.

Rủi ro về mặt bằng có thể xảy ra khi chủ mặt bằng không cho Công ty thuê nhà sau khi đã tiến hành khảo sát hoặc chủ nhà cho thuê nhưng chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thuê. Lúc đó, Công ty lại phải tiến hành thuê địa điểm khác, ảnh hưởng đến chi phí của Công ty. Tuy nhiên, Công ty có thể khắc phục rủi ro này bằng cách khảo sát thêm 2 đến 3 địa điểm dự phòng ở xung quanh. Do đó, Công ty có thể chủ động được vấn đề mặt bằng.

Việc xây dựng các công trình viễn thông và công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng đòi hỏi một lượng vốn lớn hơn rất nhiều so với những ngành công nghiệp dịch vụ khác. Việc huy động vốn từ các nguồn khác bên cạnh nguồn vốn nội lực của công ty cũng như việc cân bằng và phân bổ nguồn vốn cho các công trình và dự án một cách hiệu quả cũng là một bài toán khó đối với doanh nghiệp.

4. Rủi ro về thị trường

Các khách hàng của Công ty chỉ tập trung trong một số các Tổng Công ty lớn. Do đó, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty này cũng ảnh hưởng rất nhiều đến Công ty. Mặt khác, khi đàm phán về giá cả, các khách hàng lớn thường có thiên hướng áp đặt các nhà cung cấp nhỏ.

Hơn nữa, các nguyên vật liệu chính để xây dựng và lắp đặt cho các hệ thống thu phát tín hiệu BTS, Shelter ... các doanh nghiệp trong nước chưa thể tự chế tạo được. Công ty hoặc các nhà cung cấp của Công ty phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài. Do vậy, những biến động về tỷ giá trên thị trường sẽ có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

5. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biên động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp và các dự án của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại từ phá hủy một phần hoặc hoàn toàn ...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Phan Thanh Sơn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông: Vũ Hữu Thỉnh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Phí Thị Trúc Quỳnh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Tiến Sơn	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà Chức vụ: Giám đốc tài chính

Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn số 36/2007/UQ-SSI ngày 28 tháng 08 năm 2007.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước
- SGDCKHN	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- TTCK	Thị trường chứng khoán
- Công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	Hội đồng Quản trị
- BKS	Ban kiểm soát
- BGĐ	Ban Giám đốc
- Tổ chức tư vấn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội – SSI
- Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Điều lệ Công ty	Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng
- TSCĐ	Tài sản cố định
- Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
- IBC	Dịch vụ phủ sóng tòa nhà (Inbuilding Coverage)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên gọi: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng
- Tên giao dịch quốc tế: Network Infrastructure Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt: NISCO
- Địa chỉ: Tầng 9, Nhà D, Khách sạn thể thao, Làng sinh viên Hacinco, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 04.3 785 4291 Fax: 04.3 785 4265
- Mã số thuế: 0101985025
- Logo:
- Website: http://www.nisco.vn Email: infor@nisco.vn
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng).

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

Căn cứ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 03 năm 2010, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử tin học;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị chống sét;
- Dịch vụ nghiên cứu, khảo sát thị trường và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán và thuế);
- Xây dựng các công trình viễn thông và cột ăngten;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Xây dựng các công trình điện dân dụng và công nghiệp dưới 35KV;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống thiết bị báo cháy, phòng cháy, chữa cháy tự động;

- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống thiết bị giám sát, điều khiển tự động bằng âm thanh và hình ảnh;
- Dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông;
- Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
- Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng và chất lượng dịch vụ viễn thông, tin học;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử);
- Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet (trừ thông tin Nhà nước cấm)
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực viễn thông tin học (doanh nghiệp được hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ Phần Dịch vụ hạ tầng mạng (Tên đối ngoại là Network Infrastructure Services Joint Stock Company, viết tắt là NISCO) được thành lập theo đăng ký kinh doanh số 0103012994 được Sở Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 29/06/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, gồm 03 cổ đông sáng lập là: Trương Quốc Chính (góp 6 tỷ đồng, tương đương 60% vốn điều lệ), Phạm Thị Thu Hằng (góp 2,5 tỷ đồng, tương đương 25% vốn điều lệ), và Nguyễn Trọng Hiếu (góp 1,5 tỷ đồng, tương đương 15% vốn điều lệ). Tuy nhiên, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng được tình hình của thị trường tại thời điểm đó, Công ty đã thực hiện thay đổi vốn điều lệ đã đăng ký. Ngày 05/10/2006, căn cứ Nghị quyết số 04/2006/NQ-ĐHĐCĐ về việc thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, đăng ký thay đổi vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện 04 lần huy động vốn , cụ thể như sau:

Bảng 1: *tổng hợp các lần huy động vốn*

Thời gian	Vốn điều lệ cũ (đồng)	Vốn điều lệ mới (đồng)	Giá trị vốn góp bổ sung(đồng)	Căn cứ thực hiện
14/11/2006-31/12/2006	0	7.208.000.000	7.208.000.000	Nghị quyết số 04/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2006.
08/01/2007-30/06/2007	7.208.000.000	20.010.000.000	12.802.000.000	Nghị quyết HĐQT số 02 ngày 08/01/2007.
03/08/2007-31/12/2007	20.010.000.000	29.280.000.000	9.270.000.000	Nghị quyết HĐQT số 03 ngày 03/08/2007.

18/07/2008-31/12/2008	29.280.000.000	30.000.000.000	720.000.000	Nghị quyết HĐQT số 01 ngày 18/07/2008.
(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)				

- Công ty được thành lập với mục đích tập trung sức mạnh từ các nguồn vốn huy động được từ các cổ đông sáng lập cùng các thành viên khác (thông qua các hình thức hợp tác liên danh,…) và huy động thêm thông qua hình thức vay vốn ngân hàng thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông và kinh doanh lại thông qua hình thức cho thuê lại các hạ tầng này đáp ứng nhu cầu xã hội hoá công việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển hạ tầng mạng viễn thông của các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Tuy mới trải qua hơn 3 năm hoạt động nhưng NISCO đã trở thành một đối tác tin cậy và đã cung cấp nhiều sản phẩm như việc triển khai lắp đặt BTS, shelter cho các đối tác như VMS, Vinaphone,S-Fone,EVN, G-Tel, Vietnamobile, Huawei, Motorola Ericson, và các Viễn thông tỉnh ,Thành phố..

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 9, Nhà D, Khách sạn thể thao, Làng sinh viên Hacinco, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04.3 785 4291 Fax: 04.3 785 4265

- **Văn phòng đại diện thành phố Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Số 38/8, Đường Hoàng Văn Thụ, Quận Phú nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3 842 3832 Fax: 08.3 842 3832

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

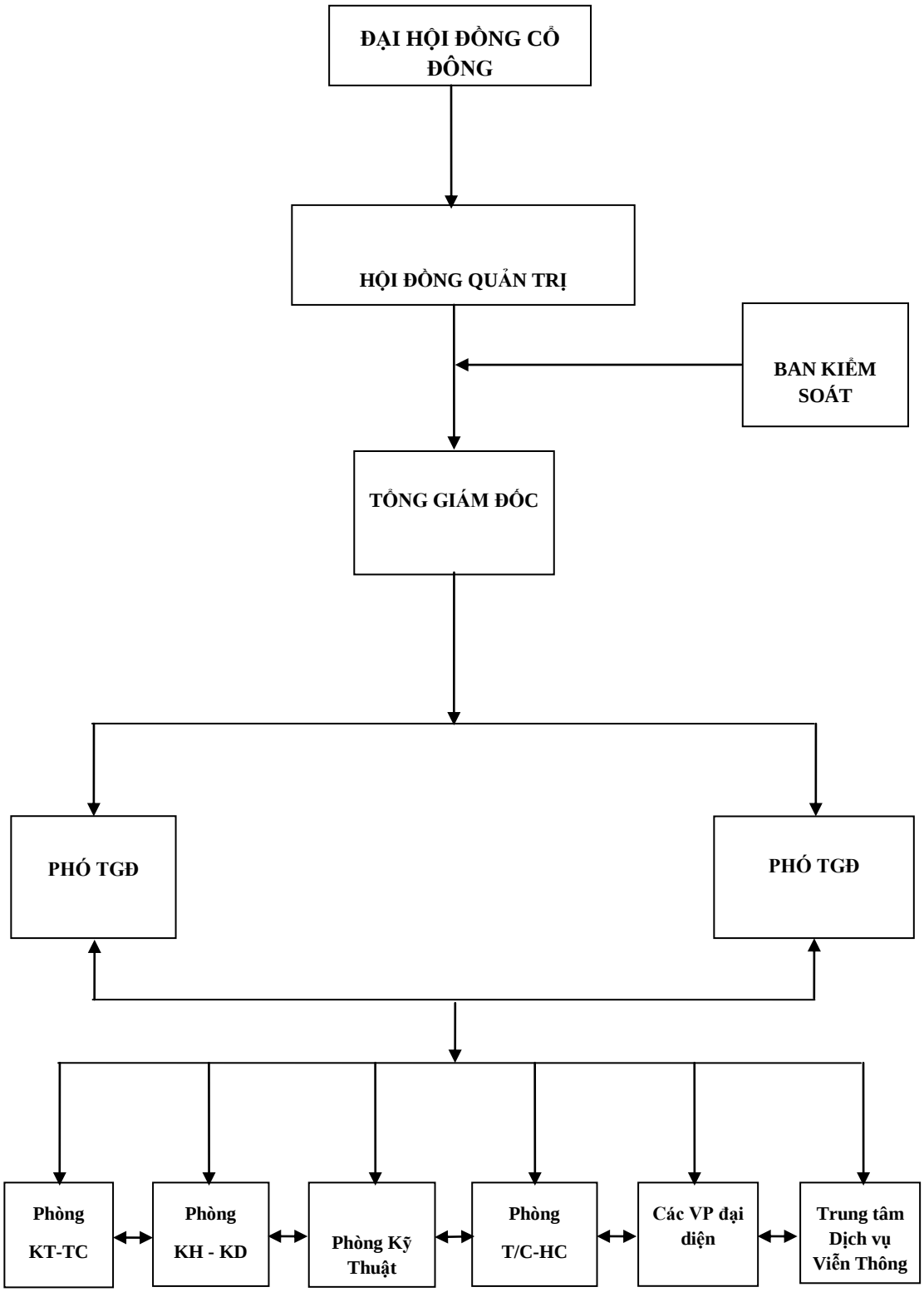

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển… của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Danh sách thành viên HĐQT công ty bao gồm:

- Ông Phan Thanh Sơn — Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Đức — Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Hữu Thỉnh — Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Hùng — Thành viên HĐQT
- Ông Hồ Ngàn Chi — Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của công ty bao gồm:

- Ông Nguyễn Tiến Sơn — Trưởng ban
- Bà Phạm Thị Thu Hằng — Thành viên
- Bà Phạm Thị Huyền An — Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 2 Phó Tổng Giám đốc. Danh sách Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- Ông Vũ Hữu Thỉnh — Tổng Giám đốc
- Ông Mai Tuấn Dũng — Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Hùng — Phó Tổng Giám đốc

Các phòng chức năng:

❖ **Phòng kế hoạch – kinh doanh**

- Lập kế hoạch kinh doanh dài hạn
- Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị vật tư, nguyên liệu và tổ chức thực hiện kế hoạch cung ứng kịp thời phục vụ thi công, triển khai
- Quản lý kho vật tư
- Lập kế hoạch thi công, triển khai các dự án của công ty
- Thường xuyên tổng hợp, báo cáo tổng giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty
- Lập kế hoạch dự thầu, đấu thầu thi công các công trình hạ tầng và các công trình khác của công ty
- Xây dựng chủ trương, phương hướng phát triển công ty
- Kiểm soát chất lượng và tiến độ thi công các công trình
- Tổ chức quan hệ tìm kiếm khách hàng
- Tham gia triển khai, khai thác và phát triển hệ thống cho thuê CSHT sãn có cho các nhà khai thác
- Tham mưu cho ban giám đốc về chiến lược kinh doanh
- Triển khai kinh doanh các sản phẩm dịch vụ kỹ thuật viễn thông mới của công ty
- Phối hợp với các phòng chức năng trong công ty để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, quản lý công ty

❖ **Phòng Kế toán - Tài chính**

- Quản lý vốn, kiểm soát toàn bộ chu trình vòng quay vốn. Bảo toàn vốn.
- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng.
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT.
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế.
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước.
- Xử lý công nợ.
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối Pháp lệnh kế toán, thống kê; pháp lệnh thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

❖ **Phòng Tổ chức - Hành chính**

- Quản lý hồ sơ nhân sự, BHXH, BHYT, BHTN, cổ đông toàn Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, di chuyển nhân sự.

- Hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định về công tác Tổ chức – Hành chính đã ban hành.
- Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty theo quy định.
- Quản lý, bảo vệ tài sản và văn phòng Công ty.
- Đón tiếp và hướng dẫn khách tới làm việc tại Công ty.
- Phòng chống cháy nổ tại văn phòng Công ty.
- Đảm bảo nhu cầu sử dụng dụng cụ văn phòng, dụng cụ hành chính, văn phòng phẩm, điện sinh hoạt, điện thoại, nước và công tác vệ sinh.
- Tổ chức các cuộc họp của Công ty.
- Đảm nhiệm các công việc nâng bậc, nâng lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật,...

❖ **Phòng Kỹ thuật**

- Làm các thủ tục liên quan tới dự án.
- Tổ chức quản lý khai thác dự án.
- Quản lý kỹ thuật thi công, chất lượng công trình xây lắp, quản lý tiêu chuẩn và an toàn lao động.
- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng công trình. Tổng hợp và ký biên bản nghiệm thu và hồ sơ hoàn công công trình.
- Nghiên cứu kỹ thuật, công nghệ mới liên quan đến hoạt đông sản xuất kinh doanh của công ty, tham mưu trình Tổng Giám đốc quyết định phê duyệt đầu tư.
- Đào tạo bồi dưỡng kiến thức nâng cao tay nghề, phổ biến các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức về sử dụng vật tư.
- Quản lý và khai thác dự án có hiệu quả.
- Bảo dưỡng, ứng cứu xử lý sự cố toàn bộ phần cơ sở hạ tầng cho thuê.

❖ **Trung tâm dịch vụ viễn thông**

- Tổ chức các công trình xây lắp viễn thông, và các công trình khác ngoài Hạ tầng
- Phát triển về dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin
- Thực thi các công trình kỹ thuật, triển khai và vận hành các dịch vụ KHKT
- Cùng với phòng Kỹ thuật, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công trình của công ty
- Đào tạo nguồn nhân lực, tiếp cận công nghệ mới áp dụng vào sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Tính đến thời điểm 20/07/2010, số cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần theo danh sách sau:

Bảng 2: *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 20/07/2010*

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần vật tư Bưu điện	270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh	200.000	6,67%
Tổng cộng		**200.000**	**6,67%**
(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)			

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103012994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006 và thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 03 năm 2010:

Bảng 3: *Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ*

Tên cổ đông	Theo GCN ĐKKD	Thực tế nắm giữ tại thời điểm 20/07/2010	Tỷ lệ (%)
Công ty Tài chính Bưu điện *Người đại diện:* Ông Nguyễn Xuân Đức	100.000	100.000	3,33%
Công ty TNHH Thiên Việt *Người đại diện:* Ông Phan Thanh Sơn	150.000	150.000	5%
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện *Người đại diện:* Ông Đoàn Thanh Hải	200.000	200.000	6,67%
Vũ Hữu Thỉnh	10.000	30.000	1%
Mai Tuấn Dũng	10.000	-	0%
Đặng Hùng	10.000	25.000	0,83%
Đào Thị Kim Oanh	10.000	1.000	0,03%
Nguyễn Tiến Sơn	10.000	3.000	0,1%
Đào Trung Thành	10.000	-	-
Nguyễn Thị Hằng Phương	10.000	-	-
Hoàng Thị Lan Anh	10.000	-	-
Lê Thị Bích Hạnh	10.000	4.000	0,13%
Nguyễn Thanh Tuyền	10.000	-	-
Tổng số	**1.500.000**	**513.000**	**17,1%**
(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)			

Quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập: Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần

phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2006. Như vậy, đến nay mọi hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

4.3Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 4: *Cơ cấu vốn cổ đông thời điểm 20/07/2010*

TT	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ	Giá trị (đồng)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	3.000.000	100%	30.000.000.000	278
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổng	**3.000.000**	**100%**	**30.000.000.000**	**278**
1	Cổ đông tổ chức	450.000	15%	4.500.000.000	03
2	Cổ đông cá nhân	2.550.000	85%	25.500.000.000	275
	Tổng	**3.000.000**	**100%**	**30.000.000.000**	**278**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng không có công ty mẹ và công ty con, không nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với NISCO.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty được thành lập với mục đích tập trung sức mạnh từ các nguồn vốn huy động được từ các cổ đông sáng lập cùng các thành viên khác (thông qua các hình thức hợp tác liên danh,…) và huy động thêm thông qua hình thức vay vốn ngân hàng thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông và kinh doanh lại thông qua hình thức cho thuê lại các hạ tầng này đáp ứng nhu cầu xã hội hóa của các nhà khai thác dịch vụ Viễn thông về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển hạ tầng mạng viễn

thông. Công ty hiện có hai mảng cho thuê chính là cho thuê cơ sở hạ tầng phủ sóng cho các tòa nhà cao tầng (Inbuilding) và cho thuê cơ sở hạ tầng các trạm BTS. Cho thuê CSHT BTS hiện là sản phẩm chính trong hoạt động SXKD của Công ty.

❖ **Phủ sóng tòa nhà (Inbuilding)**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, hiện nay tại các thành phố lớn, các cao ốc văn phòng, các chung cư cao cấp phát triển ngày càng nhiều. Việc phủ sóng di động trong các tòa nhà trên để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc và các dịch vụ giá trị gia tăng của sóng di động là nhu cầu thực sự cần thiết và là mối quan tâm rất lớn của các nhà khai thác. Tuy nhiên việc trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng để thực hiện các việc trên thì ngoài các yêu cầu kỹ thuật ra còn đòi hỏi một quy trình đầu tư tuần tự, bài bản. Nisco đã nhanh chóng triển khai đầu tư hệ thống phủ sóng Inbuilding Coverage cho các tòa nhà. Hiện nay công ty đã có trong tay 05 toà nhà phủ sóng inbuilding cho thuê đã đi vào hoạt động. Không chỉ dừng lại ở việc cho hai nhà khai thác dịch vụ phủ sóng thuê là Vinaphone và Mobifone, công ty còn sẽ tiếp tục cho các nhà khai thác như Vietnammobile, Gtel.. vào thuê chung. Trong tương lai công ty sẽ còn tiếp tục đầu tư công nghệ, kỹ thuật nhằm đảm bảo dịch vụ phủ sóng IBC ngày càng chất lượng và tăng trưởng hơn nữa về mặt số lượng các toà nhà phủ sóng IBC..

Thông thường, trong các tòa nhà cao tầng tại Việt Nam, sóng di động có chất lượng rất kém, liên lạc thường xuyên bị gián đoạn. Do đó, các nhà cung cấp mạng điện thoại di động lớn thường phải thuê hạ tầng để tăng cường sóng phục vụ khách hàng. Nisco cho khách hàng là các nhà cung cấp dịch vụ di động thuê, chủ yếu là VMS Mobiphone. VMS Mobiphone báo lại nhu cầu của mình cùng các yêu cầu cho Nisco, Nisco sẽ đi khảo sát và thuê 1 phòng nhỏ trong các nhà cao tầng để lắp đặt hệ thống của mình. Nisco sẽ làm tất cả các dịch vụ sau đó gửi hồ sơ đến cho các nhà cung cấp và ký hợp đồng. Hiện nay, các nhà cung cấp mạng điện thoại lớn đang ưu tiên những tòa nhà cao tầng tại trung tâm các thành phố lớn. Do đặc thù của các tòa nhà nên cơ sở hạ tầng của Inbuilding sẽ có thể cho các nhà cung cấp khác thuê trong trường hợp nhà cung cấp đầu tiên từ chối.

Bảng 5: *Danh sách phủ sóng tòa Inbuilding*

TT	Tên tòa nhà	Địa điểm	Tỉnh/Thành phố	Khách hàng
1	Khách sạn Mirthin	Hạ Long	Quảng Ninh	Vinaphone, Mobifone
2	Khách sạn Grand	Hạ Long	Quảng Ninh	Vinaphone, Mobifone
3	Chung cư 61 Lạc Trung	Hai Bà Trưng	Hà Nội	Vinaphone
4	Chung cư 28 Xuân La	Tây Hồ	Hà Nội	Vinaphone
5	Trung tâm Thương mại dịch vụ Plaza	Lê Hồng Phong	Hải Phòng	Vinaphone, Mobifone

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)

❖ **Hạ tầng phát sóng BTS**

Nắm bắt được nhu cầu xã hội hoá thông tin di động của tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam, đặc biệt Mobifone là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực xã hội hoá cho các doanh nghiệp, Nisco đã nhanh chóng hình thành kênh đầu tư, phát triển xây dựng các trạm thu phát sóng thông tin di động phục vụ mục đích cho thuê để phủ sóng. Với dịch vụ cho thuê trọn gói cơ sở hạ tầng trạm BTS, Nisco đã trở thành nhà cung cấp dịch vụ uy tín, chất lượng hàng đầu Việt Nam đối với các nhà cung cấp dịch vụ. Các trạm BTS của công ty được phân bố ở khắp cả nước từ bắc vào nam, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Điện Biên, Lai Châu, TP Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long và Trà Vinh. Các nhà cung cấp dịch vụ thuê gồm có:

- Mobifone (Trung tâm I, II, IV, V): 250 trạm
- Vinaphone (Viễn thông các tỉnh): 40 trạm
- Sfone: 10 trạm
- EVN: 10 trạm
- G-tel: 15 trạm
- Vietnamobile: 25 trạm

Đối với dịch vụ trạm BTS, trong hồ sơ mời thầu, các nhà cung cấp đã chia tách sẵn các địa bàn trước khi gửi đến cho nhà cung cấp. Nisco căn cứ vào năng lực của mình để nhận thầu và đi khảo sát. Sau khi chọn được địa điểm (1 địa điểm chính và 2 địa điểm dự phòng), Công ty tiến hành lập hồ sơ thầu gửi lại cho khách hàng. Khó khăn nhất trong việc lắp đặt các trạm BTS này là tìm địa điểm, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Hà Nội còn các tỉnh khác thì dễ hơn. Nguyên nhân của vấn đề này là do hiện nay tại Hà Nội mặt bằng cho thuê đang khan hiếm và giá cho thuê cũng tăng so với các năm trước.

Công ty hiện nay là đối tác chính của VMS trong việc cung cấp dịch vụ cho thuê trọn gói cơ sở hạ tầng viễn thông trên tất cả các tỉnh thành trong cả nước, bao gồm:

- Mặt bằng, phòng máy, cột ăng ten, hệ thống điện, chiếu sáng và tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài
- Thiết bị phụ trợ: máy điều hoà không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng
- Dịch vụ trông coi bảo vệ, vận hành khai thác, ứng cứu khi có sự cố

Thông thường các dịch vụ cho thuê trọn gói này tối thiểu 10 năm, phần lớn các hợp đồng công ty ký được với các trung tâm thông tin di động của công ty thông tin động là thông qua hình thức đấu thầu công khai rộng rãi. Việc dành được số lượng các trạm cho thuê nhiều càng chứng tỏ năng lực và chất lượng dịch vụ mà công ty đã và đang cung cấp.

Bảng 6: *Danh sách các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã ký kết*

TT	Ngày ký HĐ và thời hạn HĐ	Tên đơn vị ký HĐ	Tên công trình	Địa điểm, mô tả chi tiết	Tổng giá trị cho thuê (VND/năm)	Tình trạng HĐ
1	6/12/2006 (10 năm)	Công ty Thông ti di động	Gói thầu "Cung cấp DV cho thuê CSHT trạm BTS miền Bắc đợt 2"	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDĐ tại Hà Giang	601,150,000	Đang cho thuê
2	20/3/2008 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV II	Gói thầu "Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT trạm BTS tại địa bàn Trung tâm TTDĐ KV II năm 2007-đợt 3	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDĐ tại Bến Tre - Long An	2,033,328,000	Đang cho thuê
3	18/12/2007 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV II	Gói thầu "Cung cấp dịch vụ cho thuê trọn gói 125 trạm BTS tại địa bàn Trung tâm TTDĐ KV II năm 2007-đợt 2"	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDĐ tại TP HCM	917,532,000	Đang cho thuê
4	2/11/2007 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV II	Gói thầu "Cung cấp dịch vụ cho thuểton gói 67 trạm BTS tại địa bàn Trung tâm TTDĐ KV II năm 2007-đợt 1"	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDĐ tại Đồng Nai, Bình Dương, Long An	2,741,221,992	Đang cho thuê
5	6/8/2007 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV II	Gói thầu "Cung cấp DV cho thuê CSHT 04 trạm BTS Miền Nam đợt 2"	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDĐ tại Bình Dương, Bình Phước, Bến Tre	640,000,000	Đang cho thuê
6	7/9/2007 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV II	Gói thầu "Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT 64 trạm BTS Miền Nam năm 2006	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Bà Rịa Vũng Tàu, Tp.HCM, Bình Phước, Bình Dương, Long An	3,164,123,000	Đang cho thuê
7	28/2/2008 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV IV	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Trà Vinh	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Trà Vinh	1,540,136,400	Đang cho thuê
8	2007-2008	Trung tâm TTDĐ KV V	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Hải Phòng	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Hải Phòng	3,690,727,115	Đang cho thuê
9	2007-2008	Trung tâm TTDĐ KV V	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Quảng Ninh	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Quảng Ninh	7,671,284,940	Đang cho thuê

10	2007-2008	Trung tâm TTDĐ KV V	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Hải Dương	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Hải Dương	1,251,315,014	Đang cho thuê
11	4/6/2009 (5 năm)	Công ty thông tin di động	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT CBO tại Hà Nội	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Hà Nội	1,825,219,057	Đang cho thuê
12	2007-2008 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV IV	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Điện Biên	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Điện Biên	2,036,810,081	Đang cho thuê
13	2007-2008 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV IV	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Lai Châu	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Lai Châu	616,819,724	Đang cho thuê
14	9/6/2008 (10 năm)	Viễn Thông Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Đà Nẵng	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Đà Nẵng	1,269,864,000	Đang cho thuê
15	11/12/2007 (5 năm)	Vinaphone	Cung cấp dịch vụ cho thuể CSHT Inbuilding	Cho thuê CSHT phủ sóng inbuilding câc toà nhà cao tầng tại Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh	1,553,648,837	Đang cho thuê
16	6/11/2008 (10 năm)	Trung tâm TTDĐ KV IV	Gói thầu: Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT trạm BTS Trung tâm IV đợt 2 năm 2008 phần 2	Cho thuê CSHT đặt trạm TTDD tại Vĩnh Long	4,545,200,000	Đang cho thuê
17	12/12/2008	Trung tâm TTDĐ KV IV	Cung cấp Thiết bị cảnh báo	Cung cấp và lắp đặt 200 bộ cảnh báo cho trung tâm IV	1,595,000,000	Đã bàn giao xong
18	2008 (10 năm)	Vinaphone	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Hà Nội, Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT tại Hà Nội, Hải Phòng	1,100,000,000	Đang cho thuê
19	2008 (5 năm)	Vietnammobile	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT	Cung cấp dịch vụ cho thuê CSHT Điện Biên, Lai Châu, Bình Dương	700,000,0000	Đang cho thuê

(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)

❖ **Dịch vụ thương mại, kỹ thuật viễn thông**

Dịch vụ thương mại: Các dịch vụ thương mại chính của công ty chủ yếu là mua bán hàng hoá phục vụ trong ngành viễn thông như hệ thống cảnh báo, cáp quang, tủ điện..., cho các đối tác có nhu cầu trong ngành. Mặc dù doanh thu chưa cao nhưng đó là định hướng tốt cho công ty phát triển trong thời gian tới

Dịch vụ kỹ thuật viễn thông: bao gồm dịch vụ lắp đặt trạm BTS 2G, 3G, Shelter, tối ưu hoá mạng, khảo sát tìm địa điểm xây dựng trạm BTS, dịch vụ xin cấp phép xây trạm. Các dịch vụ này chủ yếu cung cấp cho các cung cấp dịch vụ lớn Huawei, ZTE, Motorola, Ericsson... Cơ cấu mảng dịch vụ kỹ thuật viễn thông này sẽ là chủ chốt trong chiến lược phát triển và đẩy mạnh doanh thu của công ty.

Bảng 7: *Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo từng loại hình*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Loại hình doanh thu	2007		2008		2009		6 tháng năm 2010	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	DT cho thuê trạm BTS	4.178	83,69	18.164	91,12	27.176	87,97	15.871	95,6
2	DT cho thuê trạm Inbuilding	-	-	417	2,09	1.466	4,74	733	4,4
3	DT bán hàng hóa	814	16,31	1.353	6,79	2.250	7,29	-	
	Tổng	**4.992**	**100**	**19.934**	**100**	**30.892**	**100**	**16.604**	**100**

Nguồn: Nisco

Đơn vị: triệu đồng

TT	Loại hình doanh thu	2007		2008		2009		6 tháng năm 2010	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	LN cho thuê trạm BTS	780	98	394	51	2.120	70	2.529	84
2	LN cho thuê trạm Inbuilding	-	-	131	17	506	17	482	16
3	LN bán hàng hóa	19	2	242	32	399	13		
	Tổng	**4.992**	**799**	**100**	**767**	**100**	**3.025**	**3.011**	**100**

Nguồn: Nisco

Dựa vào bảng cơ cấu doanh thu có thể thấy Doanh thu cho thuê trạm BTS vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2009, doanh thu từ loại hình này chiếm xấp xỉ 88% trên tổng doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bắt đầu chuyển hướng sang đầu tư và cho thuê các trạm Inbuilding. Dự kiến trong các năm tới, doanh thu từ loại hình này sẽ có những bước tăng trưởng đáng kể.

Doanh thu bán hàng hóa cũng tăng trưởng đều qua các năm, từ 814 triệu năm 2007 lên 1,34 tỷ năm 2008 và 2,25 tỷ năm 2009. Đây cũng là 1 loại hình kinh doanh mà Công ty dự kiến sẽ phát triển trong các năm tiếp theo.

6.2Nguyên vật liệu

Đối tác cung cấp thiết bị rất đa dạng, là các thương hiệu uy tín như điều hoà Funiki của Tập đoàn Hoà Phát, thiết bị cảnh báo của Công ty VITECO hay CTIN, Máy phát điện Honda, Kipor, Ổn áp Standa, Lioa...

Bảng 8: *Danh sách các nhà cung cấp*

TT	Tên nhà cung cấp	Sản Phẩm	Xuất xứ
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG GIANG	Khảo sát, tư vấn thiết kế cũng như giám sát thi công	Việt Nam

2	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG ĐẠI MỖ	Sản xuất cột ăng ten	Việt Nam
3	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO	Cung cấp thiết bị cảnh báo ngoài, vỏ hộp của tủ phân phối điện AC	Việt Nam
4	CÔNG TY TNHH NHẬT LINH	Máy ổn áp LIOA	Việt Nam
5	CÔNG TY TNHH MỸ SƠN	Cung cấp máy biến áp	Việt Nam
6	CƠ SỞ VIẾT THẮNG	Sản xuất cột anten	Việt Nam
7	CÔNG TY TNHH NAM XƯƠNG	Sản xuất cột anten	Việt Nam
8	CÔNG TY TNHH TM & DV CƠ ĐIỆN THẾ ĐẠI	Cung cấp máy điều hòa không khí	Việt Nam
9	CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM Á KIM LOẠI MÀU	Cung cấp cáp thép mạ kẽm	Trung Quốc
10	CÔNG TY CP XÂY DỰNG SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC MINH	Cung cấp vật tư tiếp địa, vật tư kèm cột, vật tư điện	Việt Nam
11	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG	Cung cấp vật tư điện	Việt Nam
12	NHÀ MÁY KẾT CẤU THÉP CƠ KHÍ ĐÔNG ANH	Sản xuất cột ăng ten	Việt Nam
13	CÔNG TY TNHH THIÊN HÒA AN	Máy phát điện	Nhật Bản
14	CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY CÔNG NGHIỆP VIỆT ĐỨC	Máy ổn áp	Việt Nam
15	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN (CT-IN)	Hệ thống cảnh báo ngoài	Việt Nam
16	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PCCC 4/10	Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động	Trung Quốc
17	CÔNG TY CỔ PHẦN AN LẠC	Cung cấp máy phát điện	Trung Quốc
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SAO MAI	Sản xuất cột anten	Việt Nam
19	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG KINH BẮC	Sản xuất cột anten	Việt Nam
20	NHÀ MÁY KẾT CẤU THÉP BÍCH HÒA (COMA 18.3)	Sản xuất cột anten	Việt Nam
21	CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG - XÍ NGHIỆP THIẾT KẾ	Khảo sát, tư vấn thiết kế cũng như giám sát thi công	Việt Nam
22	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG GIANG	khảo sát, tư vấn thiết kế cũng như giám sát thi công	Việt Nam
23	CÔNG TY PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HƯNG THỊNH	Hệ thống điều hoà không khí	Việt Nam
24	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG - VIỄN THÔNG (TEC CO., LTD)	Hệ thống máy phát điện	Trung Quốc
25	CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM (VIETCOM)	Hệ thống máy ổn áp	Việt Nam
26	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH VIỆT	Hệ thống điều hoà không khí	Việt Nam
27	TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT	Hệ thống điều hoà không khí	Việt Nam

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng)

6.3Chi phí sản xuất

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng loại sản phẩm hàng tháng, quý và năm. Đặc biệt chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành lên sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, các Hợp đồng mua bán đều được đàm phán theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo các yêu cầu về cạnh tranh, tiết kiệm và chất lượng nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay và chi phí nhân công chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Các chi phí khác bao gồm vật liệu quản lý, khấu hao tài sản, các dịch vụ mua ngoài… chiếm phần trăm không đáng kể trong tổng chi phí.

Bảng 9: *Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm (2007- 6 tháng năm 2010)*

Đơn vị: triệu đồng

Tiêu chí	2007			2008			2009			6 tháng năm 2010		
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/ Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/ Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/ Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/ Doanh thu (%)
Giá vốn hàng bán	2.069	37,10	41,44	7.546	38,71	37,85	17.809	63,59	57,65	8.726	63,31	52,55
Chi phí bán hàng (*)	-	-	-	-	-	-	1.660	5,93	5,37	599	4,35	3,61
Chi phí quản lý	2.286	40,98	45,79	4.784	25,54	24,00	4.525	16,16	14,65	2.606	18,90	15,69
Chi phí tài chính	1.137	20,38	22,78	6.671	34,22	33,47	3.767	13,45	13,45	1.658	12,02	9,98
Chi phí khác	86	1,54	1,72	491	2,53	2,46	245	0,87	0,79	195	1,42	1,18
Tổng	**5.578**	**100**	**111,74**	**19.492**	**100**	**97,78**	**28.006**	**100**	**90,66**	**13.784**	**100**	**83,10**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán NISCO năm 2007, 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2010

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm các khoản chi phí đầu tư và khấu hao của các trạm BTS, nguyên liệu đầu vào của các thiết bị viễn thông, chống sét của Công ty và chi phí thuê đất để đặt các trạm BTS. Tỷ trọng giá vốn trên tổng chi phí ở thời điểm năm 2009 là xấp xỉ 64%, tăng so với các năm 2007 và 2008. Nguyên nhân chính là năm nay Công ty ký được thêm nhiều hợp đồng cho thuê trạm BTS cũng như việc bán hàng, doanh thu của Công ty cũng tăng đột biến so với các năm trước. Do đặc thù của ngành, nên sau khi ký hợp đồng với các đối tác Công ty mới tiến hành xây các trạm BTS. Bên cạnh đó, chi phí thuê đất cũng tăng đột biến trong năm nay. Thông thường, Công ty chỉ hạch toán chi phí thuê đất khi có hóa đơn và chứng từ. Một số khoản tiền thuê đất của năm 2008 đến năm 2009 mới có hóa đơn nên Công ty đã ghi nhận vào giá vốn của năm 2009. Tuy nhiên, theo ý kiến của kiểm toán, chi phí phát sinh kỳ nào thì hạch toán vào kỳ đó. Do đó, một số chi phí thuê đất chưa nhận được hóa đơn Công ty

cũng đã ghi nhận vào chi phí giá vốn năm nay. Điều này kéo theo giá vốn tăng từ 7,5 tỷ năm 2008 và 17,8 tỷ trong năm 2009. Trong khi đó các chi phí khác vẫn ổn định qua các năm.

(*) Trong năm 2007 và 2008 Chi phí bán hàng được gộp chung vào Chi phí quản lý doanh nghiệp. Sang đến năm 2009, Công ty tách riêng khoản mục chi phí bán hàng ra khỏi chi phí quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty chủ yếu là chi phí lương cho cán bộ công nhân viên và chi phí mua ngoài khác bằng tiền. Các khoản chi phí này tăng tương đối ổn định qua các năm. Năm 2009, chi phí này chiếm hơn 16% trong tổng chi phí và xấp xỉ 15% doanh thu.

Tuy nhiên chi phí tài chính lại tăng mạnh trong năm 2008 do Công ty phải đi vay ngân hàng để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, lãi suất ngân hàng tăng trong năm 2008 là nhân tố khiến chi phí tài chính tăng mạnh. Đến năm 2009, khi lãi suất trở về mức ổn định làm cho chi phí tài chính của Công ty giảm mạnh so với năm 2008.

Biểu đồ 2: *Tỷ lệ lợi nhuận biên gộp và lợi nhuận biên của NISCO qua các năm*

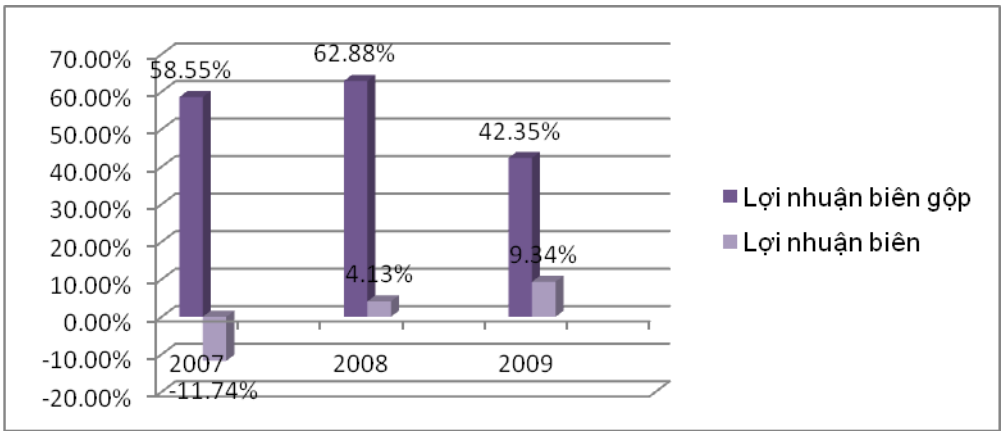

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán NISCO năm 2007, 2008 và 2009)

Có thể thấy tổng chi phí trên doanh thu của Công ty giảm dần qua các năm dẫn tới Lợi nhuận của Công ty tăng trưởng, đặc biệt là trong năm 2009. Tổng chi phí của Công ty từ mức 111% doanh thu trong năm 2007 đã giảm xuống 98% trong năm 2008 và 90% trong năm 2009. Công ty sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng này trong năm 2010. Nguyên nhân của việc tăng trưởng này là hiện nay chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định. Trong những năm đầu sau khi thành lập, Công ty phải đầu tư nhiều vào cơ sở hạ tầng, dẫn tới chi phí lớn. Các năm tiếp theo thì các chi phí này sẽ giảm dần. Bên cạnh đó, hiện nay các trạm BTS của Công ty đang được đàm phán để cho đối tác thứ 2 thuê. Dẫn tới Công ty có thêm một nguồn doanh thu bên cạnh các khách hàng cũ.

6.4Trình độ công nghệ

Là một công ty mới thành lập hơn nữa Công ty cũng chưa tự sản xuất các vật tư nên công ty phải đi mua từ các nhà cung cấp bên ngoài. Việc đầu tư dây chuyền sản xuất các thiết bị đặc thù của ngành viễn thông đòi hỏi một số lượng lớn về vốn. Do đó, Công ty chưa có kế hoạch phát triển mảng này.

6.5Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhằm đa dạng hóa các ngành nghề giúp nâng cao doanh thu của Công ty, từ năm 2008 Ban Giám đốc Công ty đã có chiến lượng phát triển dịch vụ lắp đặt BTS, Shelter cho các đối tác, nhà khai thác trên nền công nghệ 2G và 3G. Không dừng lại ở đó, Công ty tiến hành phát triển lĩnh vực đo lấy tọa độ GPS tại các trạm BTS của Vinaphone, tham gia lĩnh vực tối ưu hóa tại các trạm BTS. Hiện nay Công ty đã và đang là đối tác như VMS, Vinaphone, S-Fone, G-tel, Vietnam Mobile, Huawei. Motorola và Ericsson. Công ty đã triển khai thành công các dịch vụ mới, bao gồm:

- Lắp đặt BTS tại các tỉnh, thành phố:
  - Hà Nội: 40 BTS
  - Hải Phòng: 40 BTS
  - Nam Định: 20 BTS
  - Ninh Bình:40 BTS
  - Đà Nẵng: 20 BTS
  - Điên Biên, Sơn La, Lai Châu: 60 BTS
- Lắp đặt Shelter tại các tỉnh, thành phố:
  - Lạng Sơn: 40 Shelter
  - Hải Phòng: 15 Shelter
  - Thanh Hóa: 30 Shelter
- Đo lấy tọa độ GPS tại các trạm BTS của Vinaphone: khảo sát về yêu cầu độ phủ sóng, độ cao....
  - Tuyên Quang: 60 trạm
  - Bắc Kạn: 47 trạm
  - Thái Nguyên: 73 trạm
- Xây thuê cơ sở hạ tầng BTS cho mạng Mobiphone, Gtel mobile và Vietnammobile
  - Quảng Ninh: 10 trạm
  - Hà Giang: 04 trạm
  - TP HCM: 06 trạm
- Cung cấp và lắp đặt thiết bị cảnh bảo:
  - Cần Thơ: 150 trạm
  - Đồng Tháp: 50 trạm

NISCO là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trạm BTS. Do nhu cầu về phát triển, mới đây công ty đã liên danh hợp tác với đơn vị là bạn hàng, sản xuất và phân phối hệ thống tủ cảnh báo trong và ngoài cho trạm BTS nhằm đáp ứng việc cung cấp lắp đặt cho các trạm BTS mà công ty đang triển khai đầu tư xây dựng. Ngoài ra công ty còn cung cấp và lắp đặt hệ thống cảnh báo trên cho các đối tác là những công ty trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trạm BTS. Qua thời gian thử nghiệm và sử dụng hệ thống tủ cảnh báo của NISCO đã được các chủ đầu tư là

những đơn vị lớn trong, ngoài Tập đoàn BCVT như Mobifone; Vinaphone ... đánh giá cao về tính năng cũng như chất lượng.

Hiện nay, Công ty đang tập trung phát triển dịch vụ kỹ thuật. Bảo dưỡng, bảo trì cho các trạm của các đơn vị khác tự lắp đặt như các trạm BTS của Vinaphone được Công ty đánh giá sẽ đem lại một nguồn thu đáng kể và ổn định trong tương lai.

6.6Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Trong thời gian qua cùng với việc từng bước củng cố tổ chức hoạt động, Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để đảm bảo yêu cầu của khách hàng. Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay Công ty chỉ đi mua thiết bị ở bên ngoài, sau đó tiến hành lắp đặt cho các khách hàng. Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm và công trình của Công ty cụ thể như sau:

- Tìm đối tác đủ năng lực cung cấp dịch vụ theo yêu cầu hồ sơ mời thầu
- Lựa chọn đối tác thích hợp và tiến hành ký kết hợp đồng
- Giám sát chất lượng dịch vụ, sản phẩm chặt chẽ từ khâu giao hàng
- Giám sát chất lượng công trình thi công bằng đội ngũ giám sát có trình độ của công ty
- Tiến hành nghiệm thu chất lượng công trình theo giai đoạn đã được thoả thuận trong hợp đồng
- Toàn bộ khâu kiểm tra tiến độ, chất lượng công trình đều do phòng Kỹ Thuật quản lý
- Sau toàn bộ quá trình nghiệm thu các giai đoạn sẽ đến nghiêm thu toàn bộ công trình
- Công trình hoàn thành, nghiệm thu sẽ tiến hành nghiệm thu và bàn giao luôn cho đối tác thuê lại CSHT
- Đồng thời công trình vừa hoàn thành cũng được bàn giao lại cho phòng Kế Hoạch Kinh Doanh quản lý và cho tiếp nhà khai thác khác vào thuê.

6.7Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng.

Logo

Công ty đã đăng ký tên miền: http://www.nisco.vn do Bộ Bưu chính – Viễn thông cấp.

7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn từ 2007 đến 30/06/2010 như sau:

Bảng 10: *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2007 – 6 tháng năm 2010*

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Tăng trưởng (%)	Năm 2009	Tăng trưởng (%)	6 tháng năm 2010
1	Tổng tài sản	53.648	75.091	40	78.854	5	77.274
2	Doanh thu thuần	4.992	19.934	299	30.892	55	16.604
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	883	1.250	42	3.160	153	3.026
4	Lợi nhuận khác	(84)	(483)		(135)		(14)
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	799	767	(4)	3.025	294	3.011
6	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	182	170		940		753
7	Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	-	-		(587)		-
8	Lợi nhuận sau thuế	617	597	(3)	2.672	348	2.258
9	Tỷ lệ cổ tức (%)	-	2		7	5	-
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán NISCO năm 2007, 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 6 tháng 2010							

Năm 2007, do mới thành lập và là thời gian đầu tư xây dựng các trạm BTS và các hệ thống công nghệ khác nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa được như mong muốn. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm của Công ty chỉ đạt mức gần 5 tỷ đồng trong khi tổng chi phí lên tới hơn 5,5 tỷ đồng. Do Công ty có khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty không bị lỗ. Sang đến năm 2008, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng doanh thu của Công ty vẫn tăng trưởng đột biến do Công ty đã có được những hợp đồng lớn. Tuy nhiên, lợi nhuận trong năm 2008 lại giảm so với năm 2007 do giá vốn hàng bán tăng cũng như lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính giảm mạnh. Trong năm 2009, khi tình hình nền kinh tế đã được cải thiện Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã khởi sắc hơn, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn của Công ty đạt xấp xỉ 8,3%.

Doanh thu cho thuê các trạm BTS và Inbuilding được khách hàng trả hàng năm khi ký hợp đồng. Công ty phân bổ doanh thu theo từng năm, từng tháng ứng với thời điểm thực hiện hợp đồng. Các chi phí ban

đầu như nguyên vật liệu, thuê mặt bằng, vận chuyển, phí nhân công được Công ty tính vào nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao theo tỷ lệ: trạm BTS 7 năm và Inbuilding 5 năm.

Do đặc thù của ngành hạ tầng viễn thông, các năm đầu tiên chi phí về con người, về thiết bị, về cơ sở hạn tầng lớn nên lợi nhuận các năm đầu sẽ không cao. Các năm về sau, thông thường từ năm thứ 4 hoặc thứ 5 trở đi lợi nhuận sẽ tăng cao hơn. Bên cạnh đó, Công ty đang khai thác các cơ sở có sẵn cho bên thứ 2 thuê. Có thể nhìn thấy rõ vấn đề này trong phần 14 – Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi tiết tại Bảng 10 được phân tích cơ bản tại Bảng 11 dưới đây.

Bảng 11: Một số chỉ số tài chính của Công ty năm 2007, 2008, 2009

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,98	0,68	0,63
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,88	0,60	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,59	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,81	1,44	1,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,12	3,93	11,04
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,09	0,27	0,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12	3	8
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1	1	3
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2	2	8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18	6	10
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán NISCO năm 2007, 2008, 2009 và BCTC 6 tháng năm 2010				

Về khả năng thanh toán: Nhìn chung, các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty cho thấy Công ty đã kiểm soát khả năng thanh toán của mình không được tốt. Năm 2007, hệ số thanh toán ngắn hạn được duy trì ở mức 1,9 lần trong khi năm 2008 và năm 2009 lần lượt là 0,68 và 0,63. Tuy nhiên, do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty phải vay tiền để đầu tư các trạm BTS và Inbuilding. Toàn

bộ giá trị của các tài sản này đều nằm ở mục Tài sản dài hạn do đó các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty không tốt.

Về cơ cấu vốn: Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn qua các năm 2007, 2008 và 2009 cho thấy công ty đã điều chỉnh hợp lý cơ cấu vốn của mình. Hệ số Nợ/tổng tài sản năm 2007 ở mức 0,45 lần, năm 2008 và 2009 lần lượt là 0,59 và 0,58 lần trong khi đó Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,81; 1,44 và 1,40 lần. Đây là là mức tương đối tốt so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng mạng.

Về năng lực hoạt động*:* Doanh thu thuần trên tài sản của Công ty tăng trưởng đáng kể trong kỳ báo cáo. Cụ thể là 0,09 lần năm 2007, 0,27 năm 2008 và 0,39 năm 2009. Điều này chứng tỏ năng lực hoạt động của Công ty đang ở mức trung bình của ngành. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty cũng được cải thiện đáng kể trong năm 2009. Từ mức 3,93 lần năm 2008 tăng lên 11,04 lần trong năm 2009, tăng xấp xỉ 200%.

Về khả năng sinh lời: lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trong giai đoạn 2007 – 2009 do đó các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty cũng tăng trưởng tương ứng. Các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, ROA và ROE lần lượt là 0,08; 0,03 và 0,1 đều tăng so với năm 2008.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1Vị thế của công ty trong ngành

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, các nước đã tự tìm kiếm các cơ hội và tận dụng những thành tựu của các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin viễn thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới-công nghệ nano, công nghệ hàng không vũ trụ... để ứng dụng vào thực tiễn của mỗi nước nhằm tạo nên sự "chuyển động gia tốc" và phát triển đột biến nền kinh tế của riêng mình. Một trong những bí quyết thành công của các nền kinh tế đó là việc hoạch định Chiến lược phát triển các ngành công nghệ cao đúng đắn. Đây là kinh nghiệm quý báu đối với các nước đang phát triển trong quá trình tận dụng thành tựu của các ngành công nghệ cao hướng vào phục vụ công cuộc hiện đại hóa của mỗi nước.

Tuy là một Công ty trẻ, mới thành lập được gần 4 năm nhưng Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý, chuyên môn khoa học kỹ thuật chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm gồm hơn 2/3 là Thạc sỹ, kỹ sư điện tử, xây dựng, viễn thông và cử nhân kinh tế, với hệ thống các cơ sở nhà cửa phục vụ sản xuất kinh doanh, các máy móc thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng thường xuyên được đầu tư bổ sung đổi mới, có công nghệ tiên tiến hiện đại, luôn đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu nhiệm vụ của các khách hàng lớn. Hiện nay, Công ty đang triển khai và gấp rút hoàn thiện hạ tầng viễn thông của 500 trạm thu phát sóng BTS trên cả nước với số vốn đầu tư ước lượng là 500 triệu đồng/trạm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã được các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hàng đầu Việt Nam VMS Mobifone, Vinaphone và các Tập đoàn có vốn đầu tư nước ngoài lớn như Motorola, Ericsso hay Huawei ký hợp đồng hợp tác dài hạn. Điều đó chứng tỏ vị thế tương đối vững chắc của Công ty trong ngành. Bên cạnh đó, sản phẩm và dịch vụ của Công ty hiện nay đang có mặt ở trên 30 tỉnh thành trong cả nước đặc biệt là khu vực Miền Bắc như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lai Châu, Sơn

La ... và các tỉnh miền Nam như TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long .... Các đối thủ cạnh tranh trên thị trường hiện nay của Công ty gồm có: Mobitech, Coma, Kasaty, Viteco ... Tuy nhiên công ty cũng chiếm được 10% thị phần trong việc cung cấp hạ tầng cho VMS Mobifone. Riêng Vinaphone, và các công ty khác thì các doanh nghiệp này tự đứng ra xây lắp cơ sở hạ tầng nên thị phần của Công ty với Vinaphone chiếm tỷ trọng không cao.

8.2Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 23 tháng 11 năm 2009, tại kỳ họp thứ 6, quốc hội khóa 10, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật Viễn thông. Một số điều khoản trong Luật này sẽ ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, trong đó có NISCO:

Chính sách của Nhà nước về viễn thông:

- Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh viễn thông để phát triển nhanh và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng viễn thông, đa dạng hóa dịch vụ viễn thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
- Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.
- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ viễn thông tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phân định rõ hoạt động viễn thông công ích và kinh doanh viễn thông; thúc đẩy việc sử dụng Internet trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và nghiên cứu khoa học.
- Tập trung đầu tư xây dựng, hiện đại hóa mạng viễn thông dùng riêng phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh, hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
- Khuyến khích phát triển nguồn nhân lực viễn thông đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, kinh doanh hiệu quả cơ sở hạ tầng viễn thông.
- Tăng cường hợp tác quốc tế về viễn thông trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia

- Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia là quy hoạch tổng thể xác định mục tiêu, nguyên tắc, định hướng phát triển thị trường viễn thông, cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ, dịch vụ viễn thông và các giải pháp thực hiện.
- Việc xây dựng quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:
  - Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ viễ ệc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;
- Bảo đảm quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên viễn thông hiệu quả, tiết kiệm và đúng mục đích;
- Bảo đảm phát triển viễn thông bền vững, hài hoà; thu hẹp khoảng cách phát triển viễn thông giữa các vùng, miền;
- Bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.

❖ Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia.

❖ Trên cơ sở quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, doanh nghiệp viễn thông xây dựng quy hoạch, kế hoạch của doanh nghiệp mình

Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông

❖ Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là việc sử dụng chung một phần mạng, công trình, thiết bị viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị.

❖ Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp viễn thông.

❖ Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông quyết định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong các trường hợp sau đây:

- Sử dụng chung phương tiện thiết yếu nếu các doanh nghiệp viễn thông không đạt được thỏa thuận;
- Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị;
- Sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông để phục vụ hoạt động viễn thông công ích.

❖ Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.

Luật Viễn thông này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 sẽ tạo điều kiện thuận lợi huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ viễn thông với công nghệ mới, hiện đại và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin. Cùng với Luật Công nghệ thông tin và các Nghị định, Quyết định, Thông tư đã được ban hành tạo hành lang pháp lý đồng bộ, cơ chế cạnh tranh bình đẳng cho lĩnh vực Thông tin và Truyền thông nói chung và lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông nói riêng phát triển, tích cực đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng chung của ngành, chính sách của Nhà nước

Mặc dù phải chịu ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng tiềm năng phát triển viễn thông và internet ở Việt Nam vẫn rất lớn, cơ hội phát triển vẫn còn nhiều…Đó là khẳng định của Thứ trưởng Bộ Thông tin - Truyền thông Lê Nam Thắng tại Hội nghị Tăng trưởng Viễn thông Việt Nam[6]. Theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng viễn thông cao trên thế giới. Tính đến tháng 6 năm 2009, tổng thuê bao điện thoại trên toàn mạng là 110,7 triệu máy, trong đó số thuê bao di động chiếm gần 88%. Mật độ điện thoại đã đạt 129,6 máy/100 dân. Toàn quốc có hơn 21,62 triệu người sử dụng internet, đạt mật độ 25,3%. Số thuê bao internet băng rộng đạt 2,4 triệu. So với năm 2000, số thuê bao điện thoại đã tăng hơn 35 lần, số thuê bao cố định tăng cao hơn 5 lần, tỷ lệ số người dùng Internet gấp hơn 100 lần. Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2009 hoạt động viễn thông có bước phát triển lớn, các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, đạt doanh thu ước tính trên 150.000 tỷ đồng, tăng hơn 62% so với năm 2008[7].

Bên cạnh đó, theo phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng 2020 của Thủ tướng Chính phủ số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001 và căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo cho thấy nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội của đất nước sẽ ngày một cao hơn, đặc biệt là nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông để đảm bảo cung ứng đầy đủ cho các ngành kinh tế - xã hội. Đây là một trong những cơ hội lớn dành cho NISCO và các Công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông.

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển mạng lưới và dịch vụ viễn thông cùng với việc tham gia các sáng kiến hợp tác khu vực. Tuy nhiên, một thách thức lớn đang đặt ra đối với Việt Nam nói riêng và các nước ASEAN nói chung là việc phổ cập và duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông đến với mọi người dân, đặc biệt là ở các khu vực kém phát triển, các vùng nông thôn hay hải đảo. Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng chung vai gánh vác cùng các Tập đoàn lớn trong ngành bưu chính viễn thông giải quyết khó khăn này. Mục tiêu chính của Công ty là tìm kiếm và đầu tư các dự án hạ tầng viễn thông tiềm năng trong khu vực, bên cạnh đó sự phát triển đội ngũ cán bộ quản lý dự án, cán bộ kỹ thuật và cán bộ giám sát là điều cần thiết nhất.

9. Chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động tại thời điểm 20/07/2010 là 60 người, chi tiết như sau:

Bảng 12: *Cơ cấu lao động của Công ty*

Phân theo phân công lao động	Số người	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	6	10%
Lao động quản lý	36	60%
Lao động trực tiếp	18	30%
Tổng	**60**	**100%**

[6] http://www.nhandan.org.vn/tinbai/?top=41&sub=76&article=157609
[7] http://mic.gov.vn/vn/newsdetail/tintucsukien_tinhoatdongcuabo/10409/index.mic

Phân theo trình độ		
Trình độ trên đại học	4	6,66%
Trình độ đại học	28	46,67%
Cao đẳng, trung cấp	19	31,67%
Lao động phổ thông và Công nhân kỹ thuật	9	15%
Tổng	**60**	**100%**
(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)		

9.1 Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc tại Công ty tối đa không quá 43 giờ/tuần. Trong điều kiện làm việc bình thường từ Thứ hai đến Thứ sáu làm việc 08 giờ một ngày, ngày Thứ bảy làm việc 03 giờ một ngày (buổi sáng) và Chủ Nhật nghỉ. Ngày nghỉ là chiều thứ bảy và Chủ nhật và được nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Lương của những ngày nghỉ tuần, nghỉ Lễ, nghỉ Tết được hưởng theo lương tháng quy định của Công ty.

Người sử dụng lao động và người lao động sẽ thoả thuận làm thêm giờ trong những trường hợp như xử lý sự cố trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu giao hàng đột xuất của khách hàng hay giải quyết các nhu cầu cấp bách khác không thể trì hoãn được.

9.2 Chính sách đào tạo và tuyển dụng:

Chế độ tuyển dụng:

Tùy thuộc quá trình phát triển của Công ty mà Công ty có thể tuyển dụng thêm lao động với hình thức hợp đồng dài hạn.

Mọi trường hợp trước khi chính thức tuyển dụng đều phải được thử việc theo quy định của Luật lao động.

Chế độ Đào tạo:

Những CBCNV trong Công ty làm việc tốt có khả năng phát triển sẽ được cử đi học để nâng cao kiến thức phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty và được tạo điều kiện về kinh phí trong quá trình đi học.

Công ty sẽ mở các lớp đào tạo tại Công ty, cán bộ giảng dạy có thể là người có trách nhiệm trong Công ty hoặc mời giảng viên ở các cơ sở đào tạo chuyên môn. Những khoá đào tạo về kỹ năng quản lý và triển khai dự án thường xuyên diễn ra đối với đội ngũ quản lý văn phòng, Trong khi đó các khoá đào tạo về an toàn leo cột cũng thường xuyển dành cho đội ngũ kỹ thuật.

Yêu cầu làm việc sau khi đào tạo:

Tất cả các đối tượng sau khi học xong các lớp đào tạo có tính chất dài hạn và có sử dụng kinh phí đào tạo của Công ty phải quay về phục vụ Công ty ít nhất là 5 năm. Trường hợp chuyển công tác đi nơi khác

phải hoàn lại 100% kinh phí đào tạo trong toàn bộ thời gian đi học (nếu có). Trường hợp đặc biệt phải chuyển công tác Công ty sẽ xem xét miễn giảm.

9.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi :

Tiền lương thỏa thuận hoặc lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty.

Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiền lương được trả trực tiếp cho người lao động làm 01 kỳ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; thanh toán lương vào ngày 05 tháng sau.

Trong trường hợp Công ty thực sự gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc thì người lao động chấp nhận giảm lương, giảm việc làm theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Chế độ trả lương làm thêm giờ thực hiện theo chế độ chính sách hiện hành trên cơ sở đơn giá tiền lương của Công ty quy định.

Các khoản tiền thưởng theo quy định của Công ty.

Ngoài các chính sách nói trên, các chính sách khác được áp dụng theo đúng Luật Lao động như ăn ca, hay trợ cấp độc hại, được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động, được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập, được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc v.v..

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ

tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 12/05/2009, Công ty quyết định chia cổ tức năm 2008 là 2%, tương đương với 600.000.000 đồng. Đối với cổ tức năm 2009, ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 đã quyết định chia cổ tức năm 2009 ở mức 7%, trong đó số đã tạm ứng cho cổ đông trong năm 2009 là 3%, 4% còn lại sẽ được thanh toán sau khi cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu cơ bản bao gồm các mục như các khoản chứng khoán đầu tư, tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên, các khoản nộp theo luật định, tỉ lệ trích lập các quỹ và tình hình công nợ hiện nay và khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Các khoản đầu tư chứng khoán:

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và giá trị ban đầu được xác định theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tại thời điểm 30.09.09, Công ty đã bán hết các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty và hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính. Hiện nay, theo kế hoạch SXKD và căn cứ theo tình hình thị trường, Công ty tạm thời dừng việc đầu tư chứng khoán để tập trung nguồn lực vào phát triển cơ sở hạ tầng.

Trích khấu hao tài sản cố định:

Do đặc thù của công ty là phần lớn tài sản cố định là những trạm thu phát sóng BTS nên tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng được áp dụng theo phương pháp đường thẳng, theo Quyết định số 206 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	**7**
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	**5 – 7**
Thiết bị, dụng cụ quản lý	**3 – 5**

Tại ngày 30/09/2009, giá trị tài sản đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai dùng để thế chấp các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng với giá trị tạm tính khoảng 66 tỷ đồng và tổng mức khấu hao lũy kế tài sản cố định của Công ty khoảng 12 tỷ đồng.

Mức lương bình quân:

Quỹ lương được xác định căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị sẽ quyết định tổng quỹ lương của Công ty vào các kỳ họp hàng năm. Theo đó, tổng quỹ lương thực trích trong năm 2007 và 2008 lần lượt là 1.423.139.913 đồng và 2.720.476.433. Theo Nghị quyết HĐQT ngày 25/01/2009, Tổng quỹ lương được duyệt trong năm 2009 là 3,4 tỷ đồng. Quỹ lương thực trích năm 2009 là 3.471.069.153 đồng. Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2008 là 3 triệu đồng/người/tháng và năm 2009 là 3,1 triệu đồng/người/tháng đạt mức trung bình so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện đầy đủ việc nộp thuế hàng năm cho Nhà nước theo đúng luật định.

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%.

Năm 2008, Công ty được giảm trừ 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Trích lập và sử dụng các quỹ theo luật định:

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo các quy định tại Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính: trích từ 1-5% lợi nhuận sau thuế. Khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích thêm.
- Quỹ đầu tư phát triển: trích tối thiểu bằng 30% lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức và trích Quỹ dự phòng tài chính.
- Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty: Mức trích mỗi năm không quá 500 triệu đồng với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn chủ sở hữu phải lớn hơn hoặc bằng tỷ suất lợi nhuận kế hoạch và mức chi cổ tức lớn hơn hoặc bằng mức cổ tức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức và trích các Quỹ nêu trên sẽ được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Tuỳ theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, mức trích cho người lao động tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/năm.

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm sau quyết định. Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 12/05/2009, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 của Công ty là 597.284.352 đồng được phân phối như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 59.728.435 đồng, chiếm 10% lợi nhuận sau thuế

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 29.864.217 đồng, chiếm 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 59.728.435 đồng, chiếm 10% lợi nhuận sau thuế

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 của Công ty là 2.671.873.092 đồng được phân phối như sau:

- Trích trả quỹ đầu tư phát triển năm 2007: 168.072.282 đồng (*)
- Trích trả quỹ dự phòng tài chính năm 2007: 27.964.453 đồng (*)
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2009: 160.312.386 đồng, chiếm 6% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2009: 80.156.193 đồng, chiếm 3% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009: 133.593.655 đồng, chiếm 5% lợi nhuận sau thuế
- Lợi nhuận còn lại bổ sung Quỹ ĐTPT năm 2009: 1.774.124 đồng

(*) Lý do phải trích lại quỹ ĐTPT và DPTC năm 2007 là do năm 2008, Công ty đã sử dụng tiền từ 2 quỹ này để trả cổ tức cho cổ đông. Đây là khoản chi không đúng mục đích do đó Công ty phải trích bù để đảm bảo đúng yêu cầu của pháp luật.

Công ty cam kết sẽ trích lập đầy đủ các quỹ này theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010 vào quý III năm 2010.

Bảng 13: *Số dư các Quỹ tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/06/2010*

TT	Tên Quỹ	31/12/2008 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)	30/06/2010 (VNĐ)
1.	Quỹ đầu tư phát triển	180.121.307	71.777.460	71.777.460
2.	Quỹ dự phòng tài chính	32.013.478	33.913.242	33.913.242
3.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	64.000.000	-	(600.000)
Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 và 2009; Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2010				

Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2009, vay nợ ngắn hạn của Công ty là 13.179.834.454 đồng và tại 30/06/2010 là 14.243.907.962 đồng, chi tiết như sau:

Bảng 14: *Danh sách các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/06/2010*

TT	Tên	31/12/2008 (đồng)	31/12/2009 (đồng)	30/06/2010 (đồng)	Ghi chú
1.	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	902.783.300	3.181.286.135	1.745.484.739	(*)
2.	Công ty tài chính bưu điện	1.620.597.081	1.276.120.310	1.276.120.310	(****)

3.	Ngân hàng Quốc tế VIB	-	-	1.052.824.350	
4.	Vay cá nhân	22.000.000	543.228.000	2.673.228.000	(**)
5.	Nợ dài hạn đến hạn trả	5.262.199.996	8.179.200.009	5.112.178.877	(***)
Tổng cộng		**7.807.580.377**	**13.179.834.454**	**11.859.836.276**	
Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 và 2009, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2010					

(*) Trong kỳ Công ty ký một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Quân Đội để thanh toán tiền lương, tiền thuê mặt bằng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay 0,875%/tháng được hưởng hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Ngân hàng Nhà nước số 02/TT-NHNN ngày 03/20/2009. Các hợp đồng tín dụng ngắn hạn này không có thế chấp.

(**) Đây là khoản vay cá nhân từ cán bộ công nhân viên và cổ đông trong Công ty. Trong một số trường hợp cần vốn như thanh toán cho đối tác hay ứng cứu hoạt động SXKD, Công ty tiến hành huy động từ CBCNV và các cổ đông. Thông thường đây là các khoản vay ngắn, dưới 1 năm, lãi suất khoảng 1%/tháng.

(***) Đây là khoản phân loại lại các khoản vay dài hạn phải trả trong năm theo đúng hướng dẫn của chuẩn mục kế toán Việt Nam.

(****) Công ty ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Công ty Tài chính Bưu điện để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức là 3.000.000.000 đồng, trong vòng 12 tháng. Lãi suất cho vay cụ thể xác định cho từng lần vay. Tài sản đảm bảo là 18 trạm BTS trị giá 4.052.114.234 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2009, vay nợ dài hạn của Công ty là 15.732.707.569 đồng và tại 30/06/2010 là 11.310.528.692 đồng, chi tiết như sau:

Bảng 15: *Danh sách các khoản vay dài hạn tại 30/16/2009*

TT	Tên	31/12/2008 (đồng)	31/12/2009 (đồng)	30/06/2010 (đồng)	Ghi chú
1.	Công ty tài chính bưu điện	9.571.692.920	10.658.837.317	10.055.316.183	(**)
2.	Ngân hàng Thương mại cổ phần nhà Hà Nội	5.998.898.647	3.998.898.647	3.998.898.647	(***)
3.	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	71.666.672	28.666.676	697.166.678	
4.	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam –	4.432.926.563	5.234.999.213	4.122.999.213	(**)

	PGD Mỹ Đình				
5.	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	-	3.990.505.725	2.660.505.725	(**)
	Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả	*5.262.199.996*	*8.179.200.009*	*5.112.178.877*	(*)
Tổng cộng		**14.812.984.806**	**15.732.707.569**	**16.422.707.569**	
	Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 và 2009; Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2010				

(*) Việc phân loại các khoản vay và nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả được thực hiện vào cuối năm tài chính 2009.

(**) Trong năm 2009, Công ty thực hiện ký tiếp hạn mức vay với công ty Tài chính Bưu điện, Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) và Ngân hàng TMCP Quân Đội cụ thể như sau:

- Công ty ký kết một hạn mức vay 4.000.000.000 VND ngày 17/01/2008 và 7.000.000.000 VND ngày 16/01/2009 với Công ty tài chính Bưu điện để đầu tư cho Dự án xây dựng trạm BTS tại các khu vực Miền Nam, Miền Bắc. Gốc vay được trả 06 tháng 01 lần với số tiền mỗi lần trả là 1.750.000.000 VND. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị của các trạm Miền Nam, Miền Bắc tạm tính theo dự toán được duyệt là 21.011.119.000 VND và quyền khai thác các trạm BTS của bên vay. Thời hạn vay 2 năm, lãi suất cho vay 1,0625%/tháng.

- Công ty ký kết một hạn mức vay 5.560.000.000 VND ngày 01/08/2007 với Ngân hàng Quốc tế (VIB) để đầu tư cho Dự án xây dựng trạm BTS tại các khu vực phía Nam và 2.300.000.000 VND ngày 15/07/2009 với Ngân hàng Quốc tế (VIB) để đầu tư cho Dự án xây dựng trạm BTS tại các khu vực Hà Nội. Số tiền trả nợ mỗi năm là 460.000.000 VND. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị của các trạm Hà Nội tạm tính theo dự toán được duyệt là 2.428.000.000 VND và quyền khai thác các trạm BTS của bên vay. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất áp dụng theo lãi suất tại thời điểm giải ngân của VIB. Điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 06 tháng VND + biên độ lãi suất tối thiểu 2%/năm. Lãi suất chuyển vốn kinh doanh bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB cộng với lãi suất điều chỉnh vốn nội bộ. Như thế VIB sẽ áp dụng trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cho vay tối đa của từng thời kỳ và cả trong trường hợp khi Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất cho vay tối đa là bao nhiêu.

- Công ty ký kết một hạn mức vay 4.000.000.000 VND ngày 27/03/2009 với Ngân Hàng Thương mại cổ phần Quân Đội để đầu tư cho Dự án xây dựng trạm BTS tại các khu vực Miền Nam. Khoản vay này được thế chấp bằng cơ sở hạ tầng trạm BTS đặt tại Khu vực Đà Nẵng, Vĩnh Long, nguồn thu từ 07 trạm BTS ký với viễn thông Đà Nẵng, Trung tâm thông tin khu vực IV với tổng giá trị tài sản thế chấp 34.587.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản đảm bảo tiền vay ngày 09/03/2009. Thời hạn vay

3 năm, trả gốc định kỳ 1 năm/lần với số tiền là 1.330.000.000 VND, lãi suất cho vay 0,875%/tháng áp dụng theo hình thức thả nổi, kỳ điều chỉnh 1 quý/lần.

(***) Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Nhà Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc từ năm 2007 để đầu tư xây dựng 61 trạm thu phát sóng BTS tại các tỉnh Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương và Hải Phòng. Hạn mức là 8 tỷ đồng, thời hạn vay là 4 năm, mỗi năm trả nợ gốc là 2 tỷ đồng. Lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 12% và các năm tiếp theo được tính trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng, cộng 3,64%/năm. Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị tài sản tạm tính là 15.904.800.000 đồng và quyền thu nợ Trung tâm thông tin di động Khu vực 1 với tổng trị giá các khoản thu nợ được các Bên xác định với nhau là 31.995.175.680 đồng.

Tình hình công nợ (nợ phải thu, nợ phải trả)

Tại thời điểm 31/12/2009, tình hình công nợ của Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng như sau:

- ***Các khoản phải thu:***

Ngắn hạn:	14.005.184.349 đồng
Dài hạn	0 đồng

- ***Nợ phải trả:***

Nợ ngắn hạn:	30.343.833.803 đồng (bao gồm cả khoản 13.179.834.454 vay ngắn hạn đã trình bày ở trên)
Nợ dài hạn:	Là các khoản vay dài hạn đã trình bày ở trên

Tại thời điểm 30/06/2010, tình hình công nợ của Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng như sau:

- ***Các khoản phải thu:***

Ngắn hạn:	14.358.309.304 đồng
Dài hạn:	0 đồng

- ***Nợ phải trả:***

Nợ ngắn hạn:	23.195.798.888 đồng (bao gồm cả khoản 11.859.836.276 vay ngắn hạn đã trình bày ở trên)
Nợ dài hạn:	Là các khoản vay dài hạn đã trình bày ở trên

Khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dơ dang tại thời điểm 31/12/09 là 3.825.800.469 đồng

Bảng 16: *Danh sách các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/06/2010*

TT	Tên	31/12/2008 (đồng)	31/12/2009 (đồng)	30/06/2010 (đồng)	Ghi chú
1.	Chi phí các trạm BTS Miền Nam	2.723.073.477	0	0	
2.	Chi phí các trạm BTS Quảng Ninh	731.281.609	759.099.673	759.099.673	
3.	Chi phí các trạm BTS Vĩnh Long	0	1.026.352.386	0	
4.	Chí phí các trạm các khu vực khác	1.483.081.274	2.040.348.437	870.259.451	
Tổng cộng		**4.937.436.360**	**3.825.800.496**	**1.629.359.124**	
	Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 6 tháng năm 2010				

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị

12.1.1 Ông: Phan Thanh Sơn

Họ và tên: PHAN THANH SƠN

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011457110 Cấp ngày: 27 -8 - 20003 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01-04-1970

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: số 9B, phố Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 37852797

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử viễn thông

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 1992 đến 1996 công tác tại Công ty Thiết bị điện thoại – Hà Nội, giữ chức vụ: Kỹ sư

+ Từ 1996 đến nay công tác tại Công ty TNHH Thiên Việt – Hà Nội, giữ chức vụ: Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 210.000 cổ phần tỷ lệ: 7%

Trong đó: Đại diện cho Công ty TNHH Thiên Việt: 150.000 cổ phần (tỉ lệ 5%)

Cá nhân: 60.000 cổ phần (tỉ lệ 2%)

Những người có liên quan:

+ Vợ: Trịnh Hồng Hoa: 50.000 cổ phần tỷ lệ: 1,67%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.1.2 Ông: Nguyễn Xuân Đức

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN ĐỨC

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011393935 Cấp ngày: 03 - 01 - 2006 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15-06-1970

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: Tổ 56, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 35771096

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ viễn thông/Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ tháng 9 năm 1991 đến tháng 1 năm 1999 công tác tại Công ty thiết bị điện thoại giữ chức vụ: Kỹ sư viễn thông

+ Từ tháng 2 năm 1999 đến tháng 9 năm 2002 công tác tại Ban kế hoạch/VNPT, giữ chức vụ: Chuyên viên thẩm định

+ Từ tháng 9 năm 2002 đến tháng 5 năm 2007 công tác tại Văn phòng/VNPT, giữ chức vụ: Trợ lý Phó tổng giám đốc

+ Từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 3 năm 2008 công tác tại Công ty Tài chính Bưu điện – Hà Nội, giữ chức vụ: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Từ tháng 4 năm 2008 đến nay công tác tại Công ty Tài chính Bưu điện – Hà Nôi, giữ chức vụ: Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 105.000 cổ phần tỷ lệ: 3,5%

Trong đó: Đại diện cho Công ty Tài Chính Bưu điện: 100.000 cổ phần (tỉ lệ 3,33%)

Cá nhân: 5.000 cổ phần (tỉ lệ 0,17%)

Những người có liên quan:

+ Vợ: Thành Minh Hiền: 90.000 cổ phần tỷ lệ: 3%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.1.3 Ông Vũ Hữu Thỉnh

Họ và tên: VŨ HỮU THỈNH

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011501487 Cấp ngày: 17 - 4 - 1998 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05-03-1969

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: Tổ 39, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 37854291

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện Tử Viễn Thông/ Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Từ tháng 10 năm 1991 đến tháng 12 năm 1997 công tác tại Công ty thiết bị điện thoại, giữ chức vụ: Kỹ sư

+ Từ tháng 1 năm 1998 đến tháng 02 năm 2001 công tác tại Trung tâm chuyển giao ứng dụng công nghệ và dịch vụ viễn thông - Công ty thiết bị điện thoại – Hà Nội, giữ chức vụ: Phó giám đốc trung tâm

+ Từ tháng 3 năm 2001 đến tháng 04 năm 2004 công tác tại Trung tâm chuyển giao ứng dụng công nghệ và dịch vụ viễn thông - Công ty thiết bị điện thoại – Hà Nội, giữ chức vụ: Giám đốc

trung tâm

+ Từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 9 năm 2006 công tác tại Công ty thiết bị điện thoại (sau này là Công ty cổ phần công nghệ Viễn thông – Viteco), giữ chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

+ Từ tháng 10 năm 2006 đến nay công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng – Hà Nội,

giữ chức vụ: Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần tỷ lệ: 1 %

Những người có liên quan:

+ Vợ: Phạm Thị Kim Tuyến: 20.000 cổ phần tỷ lệ: 0,67%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.1.4 Ông: Đặng Hùng

Họ và tên: ĐẶNG HÙNG

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011975019 Cấp ngày: 20/05/2002 tại: Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/01/1969

Nơi sinh: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định

Hộ khẩu thường trú: P504/2, Nhà NT, TT Ban cơ yếu chính phủ, Láng Hạ, Đống Đa, HN

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37854291

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ điện tử - viễn thông

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 1991 đến 1993 công tác tại Công ty TNHH Delta – Hà Nội, giữ chức vụ: Kỹ sư.

+ Từ 1993 đến 2000 công tác tại Công ty CP Thương mại Bưu chính Viễn thông,

giữ chức vụ: Chuyên viên kỹ thuật.

+ Từ 2000 đến tháng 3 năm 2007 công tác tại Công ty CP Thương mại Bưu chính Viễn thông giữ chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm kinh doanh 2.

+ Từ tháng 3 năm 2007 đến nay công tác tại Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng, giữ chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Số cổ phần nắm giữ: 25.000 cổ phần tỷ lệ: 0,83%

Những người có liên quan:

+ Vợ: Nguyễn Thị An: 25.000 cổ phần tỷ lệ: 0,83%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.1.5 Ông: Hồ Ngàn Chi

Họ và tên: HỒ NGÀN CHI

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011922879 Cấp ngày: 14/11/2006 tại: Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/09/1972

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Sơn Bằng, Hương Sơn, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: P27, C6 Tập thể Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38359209

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 1994 đến 1998 công tác tại Cienco1– Hà Nội, giữ chức vụ: Kỹ sư.

+ Từ 1998 đến nay công tác tại Công ty TNHH Đại Hoàng Hà, giữ chức vụ: Giám đốc.

Số cổ phần nắm giữ: 90.000 cổ phần tỷ lệ: 3%

Những người có liên quan:

+ Em: Hồ Việt Hưng: 90.000 cổ phần tỷ lệ: 3%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.2 Danh sách Ban giám đốc

12.2.1 Ông Vũ Hữu Thỉnh

(xem tại mục 12.1.3)

12.2.2 Ông Mai Tuấn Dũng

Họ và tên: MAI TUẤN DŨNG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 011249036 Cấp ngày: 23 - 3 - 2006 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27-12-1967

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 22 Nguyễn Huy Tự, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 37854291

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ĐH Giao thông vận tải

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 2004 đến tháng 9 năm 2006 công tác tại Công ty TNHH Thiên Việt – Hà Nội, giữ chức vụ: Giám đốc ban cơ sở hạ tầng

+ Từ tháng 10 năm 2006 đến nay công tác tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng – Hà Nội, giữ chức vụ: Phó tổng giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần tỷ lệ: 0%

Những người có liên quan:

+ Vợ: Lưu Việt Hoa: 30.000 cổ phần tỷ lệ: 1%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.2.3 Ông: Đặng Hùng

(xem tại mục 12.1.3)

12.3 Danh sách Ban kiểm soát

12.3.1 Ông: Nguyễn Tiến Sơn

Họ và tên: NGUYỄN TIẾN SƠN

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân: 012049354 Cấp ngày: 09 - 06 - 1997 tại: Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26-12-1979

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn Thượng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 37854291

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ tin kỹ thuật

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 2005 đến 2006 công tác tại Công ty CP đầu tư Phát triển công nghệ điện tử viễn thông Elcom, giữ chức vụ: Kỹ sư Giám sát, triển khai các dự án viễn thông.

+ Từ 2006 đến 2007 công tác tại Công ty TNHH Thiên Việt, giữ chức vụ: Kỹ sư giám sát, triển khai hệ thống Inbuilding và BTS Outdoor.

+ Từ 2007 đến tháng 7 năm 2009 công tác tại Công ty Cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng NISCO, giữ chức vụ: Nhân viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh.

+ Từ tháng 8 năm 2009 đến nay công tác tại Công ty Cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng NISCO, giữ chức vụ: Phó phòng Kỹ Thuật.

Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần Tỷ lệ: 0,1%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

12.3.2 Bà: Phạm Thị Huyền An

Họ và tên: PHẠM THỊ HUYỀN AN

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân: 011906189 Cấp ngày: 15 - 12 - 2000 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 25-03-1979

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 28, ngõ 118, Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 35771087

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 4 năm 2007 công tác tại Công ty Tài chính Bưu điện, giữ chức vụ: Chuyên viên

+ Từ tháng 4 năm 2007 đến nay công tác tại Công ty Công ty Tài chính Bưu điện, giữ chức vụ: Phụ trách phòng kinh doanh và phát hành chứng khoán

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần tỷ lệ: 0%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.3.3 Bà: Phạm Thị Thu Hằng

Họ và tên: PHẠM THI THU HẰNG

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban kiểm soát

Số chứng minh thư nhân dân: 011976200 Cấp ngày: 19 - 09 - 2000 tại: CA Hà Nội

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 24-08-1975

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Số 15, ngõ 389, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 35536699

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 1996 đến nay công tác tại Công ty TNHH Thiên Việt – Hà Nội, giữ chức vụ: Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần tỷ lệ: 0%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

12.4 Kế toán trưởng

12.4.1 Bà: Phí Thị Trúc Quỳnh

Họ và tên: PHÍ THỊ TRÚC QUỲNH

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng

Số chứng minh thư nhân dân: 040215445 Cấp ngày: 02/02/1998 tại: Lai Châu

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1980

Nơi sinh: Mường Lay, Lai Châu

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Thành, Thái Thụy, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Số 2 Tập thể Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37854291

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ tháng 5 năm 2002 đến tháng 7 năm 2006 công tác tại Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật– Hà Nội, giữ chức vụ: Nhân viên kế toán.

+ Từ tháng 7 năm 2006 đến tháng 9 năm 2006 công tác tại Công ty Đầu tư Xây lắp và Thương mại 36 - Hà Nội, giữ chức vụ: Nhân viên kế toán.

+ Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 2 năm 2008 công tác tại Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng - Hà Nội, giữ chức vụ: Nhân viên kế toán.

+ Từ tháng 2 năm 2008 đến nay công tác tại Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng, giữ chức vụ: Kế toán trưởng.

Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần tỷ lệ: 0,17%

Những người có liên quan:

+ Chồng: Trần Văn Quyền: 6.000 cổ phần tỷ lệ: 0,20%

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan đến công ty: Không

13. Tài sản

13.1 Đất đai

Bảng 17: *Danh mục các mảnh đất Công ty đang sử dụng*

TT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Loại hình	Thời hạn thuê	Năm thuê	Tên trạm
	Thuê của nhà nước:					
1	Số1, đường 4, KCN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương	60	Thuê	10 năm	2007	Tân Đông Hiệp 3
2	Phường Bình Chiểu, Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	15	Thuê	10 năm	2007	Sóng Thần 1
3	Trường Sỹ quan Công binh, phường Phú Cường, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương	400	Thuê	10 năm	2007	Phường Chánh Nghĩa
4	Số 1, Yết Kiêu, Sơn Trà, Đà Nẵng	12	Thuê	10 năm	2008	cảng Tiên Sa
5	Đồi Hạ Sơn thuộc UBND xã Thanh Thuỷ, Huyện Vị Xuyên, Hậu Giang	400	Thuê	10 năm	2006	Thanh Thuỷ
6	Đường Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Trãi, TX Hậu Giang, Hậu Giang	625	Thuê	10 năm	2007	Hoàng Su Phì
7	Thị tứ Mường So, Huyện Mường So, Huyện Phong Thổ, Lai Châu	8	Thuê	10 năm	2007	Mường So
8	Phường Đoàn Kết, Thị xã Lai Châu, Lai Châu	16.5	Thuê	10 năm	2007	Lai Châu 2
9	Trạm vi ba Huổi Lèng, xã Huổi Lèng, Mường Trà, Điện Biên	12	Thuê	10 năm	2008	Huổi Lèng
10	Trạm vi ba Keo Lôm, xã Keo Lôm, Điện Biên đông, Điện Biên	8	Thuê	10 năm	2008	Keo Lôm
11	UBND xã Mường Luân, Huyện Điện Biên Đông, Điện Biên-đồi truyền thanh truyền hình, xã Mường Luân, Điện Biên Đông, Điện Biên	400	Thuê	10 năm	2008	Mường Luân
12	UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, Điện Biên	400	Thuê	10 năm	2008	NMXM Điện Biên
13	UBND Xã Mường Mươn - Huyện Mường Chà	400	Thuê	10 năm	2008	Mường Mươn

14	UBND xã Đồng Rui, Huyện Tiên Yên, Quảng Ninh	500	Thuê	10 năm	2007	Cầu Ba Chẽ
15	UBND xã Hải Tiến, TX Móng Cái, Quảng Ninh	400	Thuê	10 năm	2007	Hải Tiến
16	UBND xã Vạn Ninh, TX Móng Cái, Quảng Ninh	400	Thuê	10 năm	2007	Vạn Ninh
17	Khu chòi gác cao, xóm bồ hồ, xã quảng la, Huyện hoành bồ, Quảng Ninh	400	Thuê	10 năm	2007	Quảng La
18	Km 3, phường Hải Yên, TX Móng Cái, Quảng Ninh	500	Thuê	10 năm	2008	Ka Long
19	Bến xe lạc long -20 Cù Chính Lan, Hải Phòng	80	Thuê	10 năm	2007	Cù Chính Lan
20	UBND xã Liên Khê, Huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	300	Thuê	10 năm	2007	Liên Khê
21	UBND xã lại xuân, H.thuỷ nguyên, Hải Phòng	400	Thuê	10 năm	2007	Lại Xuân
22	Trạm y tế, xã tam hưng, thủy nguyên , HP (UBND xã Tam Hưng, huyện Thuỷ Nguyên, HP)	270	Thuê	10 năm	2007	Tam Hưng
23	Trung tâm y tế- UBND xã Vĩnh An, H.Vĩnh Bảo,Hải Phòng	300	Thuê	10 năm	2007	Vĩnh An
24	UBND xã Chính Mỹ, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng	400	Thuê	10 năm	2007	Chính Mỹ
25	UBND xã Quang Trung, H.Kinh Môn, Hải Dương	400	Thuê	10 năm	2007	Phúc Thành
26	Thôn Vô Lượng, Xã Thống Nhất, Huyện gia Lộc, Hải Dương	300	Thuê	10 năm	2008	Thống Nhất
27	14 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10	Thuê	10 năm	2008	Viện 108
28	41B Lý Thái Tổ, Hà Nội	7.3	Thuê	10 năm	2007	Ngô Quyền
29	170 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	9	Thuê	10 năm	2007	Ngọc Khánh 2
30	76 An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	10	Thuê	5 năm	2007	Chung cư Xuân La
31	Chung cư cao cấp Lạc Trung	10	Thuê	5 năm	2007	Lạc Trung
32	Đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	10	Thuê	5 năm	2007	Grand Hạ Long
33	Mitthin Hotel, Hạ long, Bãi Cháy, Hạ long, Quảng Ninh	10	Thuê	5 năm	2007	Mitthin Hotel
34	374 lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	10	Thuê	5 năm	2008	TD PD Plaza HP
	Tổng cộng	**7,514**				
	Thuê của cá nhân:					
1	C 30, lô 9, khu ĐT mới Định Công, Phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	10	Thuê	10 năm	2007	Định Công 3
2	Thôn Hoàng Xá, Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Hải Dương	300	Thuê	10 năm	2007	Quyết Thắng
3	Thôn Lão Phong, Xã Tân Phong, Kiến Thụy, Hải Phòng	300	Thuê	10 năm	2007	Tân Phong
4	Thôn Đài Mỏ, xã Vạn Yên, Vân Đồn, Quảng Ninh	500	Thuê	10 năm	2007	Vạn Yên

5	Khối 5, TT Mường Ẳng, Huyện Mường Ẳng, Điện Biên	400	Thuê	10 năm	2007	Mường ẳng
6	Đội 3, xã Pa Tần, huyện Sì Hồ, Lai Châu	361	Thuê	10 năm	2007	Pa Tần
7	Xóm Nà Khà, Xã Yên Phú, Huyện Bắc Mê, Hà Giang	600	Thuê	10 năm	2006	Bắc Mê
8	Thôn Thạch Bồ, xã Hòa Tiến, Hòa Vang, Đà Nẵng	180	Thuê	10 năm	2009	Hòa Tiến
9	222B, Khóm 5, Phường 9, Thị Xã Vĩnh Long, Vĩnh Long	56	Thuê	10 năm	2009	Vĩnh Long 161
10	Sóc 5, Ấp 4, Xã Minh Tâm, Bình Long, Bình phước	600	Thuê	10 năm	2007	Tống Lê Chân
11	Tổ 7, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường 2, Bến Cát, Bình Dương	600	Thuê	10 năm	2007	Cây Trường 2
12	Tổ 13, Ấp Song Vĩnh, Tân Phước, Tân Thành, Bà rịa – Vũng Tàu	169	Thuê	10 năm	2007	Phú Mỹ 3
13	Tổ 46, Ấp Lý Hòa Hiệp, Xã Lý Nhơn, Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh	400	Thuê	10 năm	2007	Cần Giờ 1
14	39 Tổ 2, Ấp 1, Xã Long Khê, Cần Đước, Long An	400	Thuê	10 năm	2007	Long Khê
15	Ấp Bến Ngự, xã Phú Đông, Nhơn Trạch, Đồng Nai	400	Thuê	10 năm	2007	Phú Hữu
16	Ấp Cầu Tre, xã Long Thới, Tiểu Cần, Trà Vinh	300	Thuê	10 năm	2007	Long Thới
	(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)					

13.2 Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị

Bảng 18: *Bảng kê phương tiện vận tải và máy móc tại thời điểm 31/12/2009 và 30/06/2010*

TT	Tên	Số lượng	31/12/2009		30/06/2010	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	***Máy móc thiết bị***		**76,190,476**	**62,426,311**	**76,190,476**	**56.984.137**
1	Máy phát điện Kipor KDE (Công ty)	1	55,238,095	44,716,559	55,238,095	40.770.983
2	Máy phát điện Kipor KDE (VP Miền Nam)	1	20,952,381	17,709,752	20,952,381	16.213.154
B	***Phương tiện vận tải***		**1,450,670,704**	**815.511.981**	**2.156.877.886**	**1.571.917.494**
3	Xe FORD 7 chỗ	1	457,911,559	256,212,423	457,911,559	223.504.455
4	Xe INNOVA 8 chỗ	1	367,235,968	214,220,984	367,235,968	187.989.842
5	Xe SUZUKI WINDOW VAN	1	172,639,783	92,074,545	172,639,783	74.810.567
6	Xe ZACE	1	324,427,182	177,534,945	0	0
7	Xe SUZUKI tải nhẹ	1	112,136,667	61,675,179	112,136,667	50.461.515
8	Xe Dream	1	16,319,545	13,793,905	16,319,545	12.628.225

9	Xe Camry 2.4	1			1.030.634.364	1.022.522.890
						(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 19: *Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	+/- %	Năm 2012	+/- %
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	40	40	0%	40	0%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	49	57	16%	67	18%
Doanh thu BTS, In-building(tỷ đồng)	40	55	38%	67	22%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	5,1	8	57%	10	25%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.13	0.15	15%	0.15	0%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.10	0.20	100%	0.25	25%
Cổ tức (%)	10	14	40%	15	7%
	(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)				

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên các yếu tố sau:

- Trong các năm tới với việc phát triển ồ ạt của thông tin di động đòi hỏi lượng BTS ngày càng phát triển mạnh và tạo điều kiện để xã hội hoá cho các doanh nghiệp như Nisco rất nhiều. Với vốn điều lệ như cũ không thể đáp ứng được nguồn tài chính để tiếp tục xây dựng các trạm BTS. Vì thế cùng với việc vay vốn từ Ngân hàng, Công ty cần phải tăng vốn điều lệ để hoàn thành nhiệm vụ của mình.Cùng với việc phát triển mạnh mẽ của di động, đặc biệt 3G nên có rất nhiều các dịch vụ mà Nisco có thể triển khai như: bảo dưỡng, lắp đặt, ứng cứu,... đòi hỏi phải trang bị máy móc, thiết bị (đa số các thiết bị phải nhập khẩu). Nên kế hoạch tăng vốn cũng là để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị trong các năm tới. Theo kế hoạch đã đề ra, năm 2010 Công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng.
- Hiện nay, số lượng trạm của Công ty cho thuê là 263 trạm BTS và 5 trạm Inbuilding. Theo kế hoạch đề ra, đến năm 2012 tổng số trạm BTS là 400 và Inbuilding là 20.

Bảng 20: ***Số lượng BTS qua các năm tăng trưởng 2009- 2012***

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Số lượng trạm BTS	263	341	385	400
Số lượng trạm Inbuilding	5	9	15	20
Tổng cộng	**268**	**350**	**400**	**420**
				(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)

- Kế hoạch doanh thu của Nisco được thể hiện chi tiết:

Bảng 21: ***Kế hoạch chi tiết 2010 - 2012***

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu BTS - Đối tác 1(tỷ đồng)	33,84	37,26	38,76

Doanh thu BTS - Đối tác 2(tỷ đồng)	1,68	2,2	2.4
Doanh thu In-building(tỷ đồng)	2,48	5,54	5.84
Doanh thu thương mại, dịch vụ kỹ thuật (tỷ đồng)	2	10	20
Lợi nhuận BTS - Đối tác 1(tỷ đồng)	2,46	2,37	2,54
Lợi nhuận BTS - Đối tác 2(tỷ đồng)	0.68	1,76	1,92
Lợi nhuận In-building (tỷ đồng)	1,02	2,28	2,40
Lợi nhuận thương mại, dịch vụ kỹ thuật (tỷ đồng)	0,94	1,59	3,14
(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)			

- Bên cạnh việc phát triển thêm mạng lưới và cơ sở hạ tầng, lợi nhuận các năm tiếp theo sẽ cao hơn các năm đầu tiên vì các lý do sau đây:
    - Khấu hao: Công ty đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ký Hợp đồng cho thuê đối với BTS là 10 năm và tiến hành khấu hao nhanh trong vòng 7 năm. Do đó, thời gian khấu hao sẽ hết trước khi thời hạn cho thuê, dẫn đến chi phí trong các năm còn lại sẽ giảm đi đáng kể.
    - Giảm chi phí lãi vay: các năm đầu Công ty phải đầu tư cơ sở hạ tầng từ đầu nên cần huy động vốn nhiều do đó lãi vay trong các năm vừa qua chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Trong các năm tiếp theo, khi cơ sở hạ tầng đã ổn định, chi phí này có thể giảm đi. Bên cạnh đó, sau khi niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty có thể huy động vốn từ các kênh khác nhau.
- Đối với các trạm BTS sẵn có, Công ty đã triển khai kế hoạch cho thêm đối tác thứ 2 thuê. Hiện nay, trên mỗi trạm BTS của Công ty đã có ít nhất một khách hàng. Do đó, khi triển khai dự án này, doanh thu của Công ty sẽ tăng lên. Hiện nay, Công ty có khoảng gần 50 trạm cho nhà khai thác thứ 2 thuê như ở Hà nội, TP Hồ Chí Minh,Điện Biên, Lai Châu, Hải Phòng, Hà Giang, Bình Dương… Do các nhà cung cấp phát sóng ở các tần số khác nhau nên việc cho thêm đối tác thứ 2 dùng chung trạm BTS sẽ không ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, trong Hợp đồng với các đối tác thứ nhất (Vinaphone) cũng có điều khoản Công ty được phép cho thêm đối tác thứ hai sử dụng.
- Phát triển dịch vụ lắp đặt BTS 2G, 3G (1.000 BTS); lắp đặt 500 Shelter, đo tọa độ (300 máy), và tối ưu hóa (500) cho các đối tác.
- Cung cấp thiết bị viễn thông.
- Xây dựng các trạm BTS cho các đối tác của Công ty.

14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư phát triển

Hiện nay, thị trường viễn thông Việt Nam đã chuyển mạnh từ hình thức độc quyền sang cạnh tranh, chứng minh hiệu quả về sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây như: nhiều công nghệ mới được áp dụng, dịch vụ đa dạng, chất lượng được nâng cao, giá thành hạ ... Doanh số của ngành viễn thông trong những năm 2008 đạt 90.000 tỷ đồng, tăng 30% so với những năm trước. Tính đến hết năm

2008, Việt Nam có 10 doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng và hơn 60 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông đã được Bộ Thông tin – Truyền thông cấp phép[8]. Nisco vinh dự là một trong các công ty đó.

Mặc dù vậy, quy mô và sự phát triển bền vững của cơ sở hạ tầng viễn thông Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới vẫn còn nhiều hạn chế, chất lượng, giá thành ở một số nơi còn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Đó là lý do mà thị trường này cần được mở rộng và thúc đẩy cạnh tranh hơn nữa trong các năm tới đây. Công ty Dịch vụ hạ tầng mạng sẵn sàng chung vai gánh vác cùng các doanh nghiệp kinh doanh viễn thông lớn giảm tải bớt phần nào sự thiếu hụt nguồn cung cấp. Công ty coi đây vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức mà Công ty cần phải vượt qua. Mục tiêu chính của Cty là tìm kiếm và đầu tư các trạm thu phát sóng BTS và Shelter trong khu vực, bên cạnh đó sự phát triển đội ngũ cán bộ quản lý dự án, cán bộ kỹ thuật và cán bộ giám sát công trình là điều cần thiết nhất.

Hiện nay, nhu cầu về đầu tư thiết kế, xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm thu phát sóng trong khu vực Miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung là rất lớn, do đó định hướng của Công ty là nâng cấp Văn phòng đại diện của mình tại TP Hồ Chí Minh thành chi nhánh để hoàn thiện bộ máy tổ chức, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng cho sự phát triển sâu rộng của Công ty tại Khu vực phía Nam.

Ngoài ra, trong thời gian tới nhu cầu thị trường sẽ là đào tạo đội ngũ quản lý sửa chữa vận hành, bảo trì, tư vấn kỹ thuật cho các trạm thu phát song trên cả nước cũng là một thử thách đối với sự phát triển của Công ty. Công ty đã có kế hoạch tiếp tục đào tạo chuyên sâu các cán bộ kỹ sư sẵn có của mình cùng với việc có các chính sách đãi ngộ nhân tài để thu hút thêm các chuyên gia từ bên ngoài.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau niêm yết đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua trong kỳ Đại hội cổ đông thường niêm năm 2009. Dự kiến Công ty sẽ huy động thêm vốn để có thể đầu tư lắp đặt hệ thống phủ sóng di động Inbuilding cho khoảng 20 tòa nhà trên toàn quốc cũng như nâng số lượng lắp đặt trạm thu phát sóng BTS lên con số 400. Một loạt các dự án đang được phát triển và bắt đầu được thực hiện.

Bảng 22: *Danh sách các công trình sẽ thực hiện năm 2010*

TT	Dự kiến thực hiện	Tên đơn vị ký HĐ	TÊN CÔNG TRÌNH	Địa điểm, mô tả chi tiết
1	Q3/2010	Công ty thông tin di động	Thi công triển khai lắp đặt 150 trạm BTS CBO Hà Nội	Cung cấp CSHT cho thuê trạm BTS CBO Hà Nội
2	Q3/2010	Công ty Motorola	Lắp đặt trạm BTS 3G	Thi công lắp đặt trạm BTS 3G tại các tỉnh thành phía Bắc
3	Q3/2010	Công ty Motorola	Thi công lắp đặt trạm BTS 2G	Thi công lắp đặt trạm BTS 2G tại các tỉnh thành phía Bắc
(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)				

Ngoài ra, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2010.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

[8] http://xahoithongtin.com.vn/20090422120445792p0c206/thi-truong-vien-thong-viet-nam-se-mo-cua-hoan-toan.htm

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng. Đồng thời dựa trên kết quả thực hiện kinh doanh những năm vừa qua, năng lực sản xuất hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp, SSI nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng có tính khả thi bởi cách ước lượng về nhu cầu về cơ sở hạ tầng viễn thông thực tế trong các năm tới là tương đối an toàn vì chúng được dự báo dựa trên các thông tin chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua các cuộc hội thảo tầm cỡ quốc gia về thực trạng ngành viễn thông của Việt Nam hiện nay[9].

Về cổ tức, Công ty chia 2% cho năm 2008 và 7% trong năm 2009. Với mức cổ tức này, Công ty phải sử dụng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế khá lớn để chia cho cổ đông, phần lợi nhuận còn lại dùng để trích lập các quỹ theo luật định. Đây là một chính sách phù hợp với tình hình phát triển hiện tại của Công ty và cũng đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu đăng ký niêm yết.

Không có

[9] http://xahoithongtin.com.vn/20090422120445792p0c206/thi-truong-vien-thong-viet-nam-se-mo-cua-hoan-toan.htm

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.000.000 cổ phiếu

4. Phương pháp tính giá

Giá tham khảo được tính theo giá trị sổ sách, theo công thức:

$$\text{Giá niêm yết} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 31/12/2008

$$= \frac{30.873.419.137 - 64.000.000}{3.000.000} = 10.269 \text{ đồng}$$

Tại thời điểm 31/12/2009

$$= \frac{32.777.563.794 - 0}{3.000.000} = 10.926 \text{ đồng'}$$

Tại thời điểm 30/06/2010

$$= \frac{35.035.874.915 - 0}{3.000.000} = 11.679 \text{ đồng}$$

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy đinh của pháp luật hoặc của Công ty

Bảng 23: *Danh sách cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cá nhân	Đại diện	Tổng cộng	Số Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của NĐ 14	
						Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	*Trong vòng 06 tháng tiếp theo*
1	Phan Thanh	Chủ tịch	60.000	150.000	210.000	210.000	105.000

	Sơn	HĐQT					
(Đại diện Công ty TNHH Thiên Việt)							
2	Nguyễn Xuân Đức	Thành viên HĐQT	5.000	100.000	105.000	105.000	52.500
(Đại diện Công ty Tài chính Bưu điện)							
3	Vũ Hữu Thỉnh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	30.000	-	30.000	30.000	15.000
4	Đặng Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	25.000	-	25.000	25.000	12.500
5	Hồ Ngàn Chi	Thành viên HĐQT	90.000	-	90.000	90.000	45.000
6	Mai Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc				0	0
7	Nguyễn Tiến Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000	-	3.000	3.000	1.500
8	Phạm Thị Thu Hằng	Thành viên BKS				0	0
9	Phạm Thị Huyền An	Thành viên BKS				0	0
10	Phí Thị Trúc Quỳnh	Kế Toán Trưởng	5.000	-	5.000	5.000	2.500
Tổng số cp hạn chế chuyển nhượng						**468.000**	**234.000**
(Nguồn: Công ty cổ phần dịch vụ hạ tầng mạng)							

- Điểm 3, Điều 11, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: "Trong thời gian Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Giao dịch chứng khoán xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết không được chuyển nhượng cổ phần do mình nắm giữ".
- Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: "Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị,

Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ hạ tầng mạng theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty cổ phần đăng ký giao dịch hoặc niêm yết, cụ thể là tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty đến ngày 18/12/2009 là 0 cổ phiếu (0% vốn điều lệ).

7. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế đối với Công ty là thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...

- VAT: 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%.
- Với số lượng nhân viên dưới 300 người, công ty đáp ứng được tiêu chuẩn phân loại doanh nghiệp nhỏ để được hưởng ưu đãi giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý IV năm 2008 và năm 2009 phù hợp với thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quyết định số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Theo đó số thuế TNDN được giảm bằng 30% số thuế TNDN phải nộp của giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 tính theo phương pháp bình quân hàng quý.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán:

- Công ty Kiểm toán DTL

  - ***Trụ sở chính: Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh***

  Điện thoại: (84-8) 3 827 5026 Fax: (84-8) 3 827 5027

  - ***Văn phòng Hà Nội: Phòng 203, tòa nhà D5, Lô C, Đường Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội***

  Điện thoại: (84-4) 3 285 8899 Fax: (84-4) 3 285 8999

2. Tổ chức tư vấn:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

  - ***Trụ sở chính***

  Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  Điện thoại:(08-8)242897 Fax: (08-8)247430

  Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

  - ***CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn***

  180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM

  ĐT:(84-8).821567 Fax: (84-8).2910590

  - ***CN Công ty Chứng khoán Sài gòn tại Hà Nội***

  1C Ngô Quyền , Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (84-4).9366321 Fax: (84-4).9366311

  - ***CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn***

  25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (84-4). 9426718 Fax: (84-4). 9426719

  - ***CN Hải Phòng -Công ty Chứng khoán Sài Gòn***

  22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

  ĐT: (84-31)3569123 Fax: (84-31).3569130

VII. PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- **Phụ lục 2:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết cổ phiếu;
- **Phụ lục 3:** Các báo tài chính kiểm toán năm 2007 – 2009
- **Phụ lục 4:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- **Phụ lục 5**: Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**
Phan Thanh Sơn	**Vũ Hữu Thỉnh**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
Nguyễn Tiến Sơn	**Phí Thị Trúc Quỳnh**

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN